

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021,
ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Hà Nội, tháng 2 năm 2022

PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU NHIỆM VỤ
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2021

1. Đánh giá chung:

Năm 2021, sự bùng phát mạnh của dịch bệnh Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa nghiêm ngặt, giãn cách kéo dài toàn quốc đã tác động tiêu cực đến doanh nghiệp tại Việt Nam, trong đó có Nagakawa.

Thị trường toàn cầu vô cùng khó khăn với chuỗi giá trị bị đứt gãy từ sản xuất, cung ứng đến vận chuyển. Cùng với sự bế quan tỏa cảng nhiều nơi trên thế giới, đã đẩy mọi chi phí tăng cao. Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến mọi hoạt động xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp, cũng như các nền kinh tế phụ thuộc...

Dù gặp vô vàn thử thách bởi đại dịch Covid-19, nhưng Thế giới dần thích ứng với dịch bệnh, đặc biệt năm 2021 với sự ra đời của vacxin như một thành tựu khoa học và y học vĩ đại nhất thế kỷ 21, đã giúp các nền kinh tế mở cửa trở lại và hồi phục. GDP năm 2021 của Việt Nam ước tính tăng 2,58% so với năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả năm 2021 của Việt Nam vẫn đạt 335,23 tỷ USD, tăng 18,6% so với năm 2020. Kết quả này cho thấy, nỗ lực to lớn của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trước thách thức của đại dịch Covid-19 và tận dụng tốt các cơ hội từ hiệp định thương mại tự do (FTA).

Đối với ngành Điện lạnh, Gia dụng và Thiết bị nhà bếp cao cấp, năm 2021 tiếp tục là năm chứng kiến nhiều biến động và thách thức. Đặc biệt với thị trường Việt Nam. Giá nguyên liệu đầu vào tăng, hàng tồn kho nhiều, chi phí vận chuyển cao và vận chuyển khó khăn, bắt buộc 3 tại chỗ, bắt buộc xét nghiệm, giá bán không tăng, sức mua sụt giảm, tính cạnh tranh cao, do đó, thị trường đã khốc liệt, lại càng trở nên khốc liệt.

Với 20 năm phát triển, đội ngũ quản trị có kinh nghiệm xử lý khủng hoảng, cán bộ nhân viên đoàn kết và sẵn sàng chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, Nagakawa đã đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

1. Các chỉ tiêu đạt được trong SXKD:

Đơn vị tính: vnd

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% kế hoạch	Tăng trưởng so với năm 2020 (%)
Doanh thu	1.500.000.000.000	1.474.911.391.638	98.33%	36%
Lợi nhuận	15.000.000.000	15.440.626.818	102.93%	86,7%

Năm 2021 là năm vô cùng thử thách với doanh nghiệp, nhưng Nagakawa đã đạt được kết quả rất đáng tự hào. Điều này cho thấy nội lực to lớn của Nagakawa tích lũy 20 năm qua và đây cũng là bộ phận vững chắc cho Nagakawa 5 năm tiếp theo.

II. Đánh giá kết quả công tác quản lý và hoạt động SXKD năm 2021

1. Kết quả trong lãnh đạo, điều hành.

Ban Tổng giám đốc tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý các phòng ban trong Tập đoàn, sự cố gắng của các đơn vị thành viên, của cán bộ công nhân viên toàn Tập đoàn, tiếp tục thực hiện các mục tiêu chiến lược, khẳng định vị thế, thương hiệu Nagakawa trên thị trường, khắc phục khó khăn kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, dưới đây là một số nội dung trọng tâm đã hoàn thành:

Kết quả kinh doanh năm 2021 trên các lĩnh vực đều bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, kết quả lợi nhuận toàn Tập đoàn đạt kế hoạch.

Năng lực lãnh đạo quản lý của bộ máy được nâng cao từ trong khó khăn thử thách, tất cả các hoạt động của Tập đoàn đều được kiểm soát tin cậy.

Năm 2021 ngành hàng Thiết bị nhà bếp cao cấp đã bắt đầu xác lập được vị trí hàng đầu trên thị trường. Theo kế hoạch, mục tiêu phát triển 2021 – 2025, ngành hàng Thiết bị nhà bếp cao cấp của Nagakawa kỳ vọng sẽ chiếm lĩnh thị trường và đạt vị trí dẫn đầu tại Việt Nam.

Ban điều hành tiếp tục phân tích các ảnh hưởng từ các Hiệp định hợp tác quốc tế, từ cách mạng công nghệ 4.0 để triển phương án kinh doanh mới. Đồng thời đầu tư phát triển phần mềm quản lý, nâng cao hiệu suất lao động và năng lực quản lý điều hành.

2. Công tác Hành chính nhân sự

Triển khai chương trình quy hoạch, đẩy mạnh công tác tuyển dụng và đào tạo để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên, kiện toàn cơ cấu tổ chức.

Ban hành các chính sách lương, thưởng mới để nâng cao đời sống CBCNV tập đoàn
Áp dụng “Đề án đánh giá hiệu quả công việc qua KPI” theo tư vấn của KPMG”

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với giá trị cốt lõi lấy khách hàng làm trung tâm và lấy giải pháp, hành động làm tiêu chí đánh giá. Ngoài ra, các hoạt động nội bộ mang màu sắc Nagakawa được duy trì thường xuyên để phát huy và nâng cao giá trị con người và tổ chức Nagakawa.

3. Công tác Marketing

Lấy khách hàng làm trung tâm, Nagakawa thực hiện các hoạt động Marketing đồng bộ:

Triển khai những hoạt động tổng thể trong công tác Marketing như truyền hình, báo chí, biển bảng, khuyến mại... Kết hợp Marketing hiện đại và marketing truyền thống, giới thiệu thành công thương hiệu và sản phẩm của Nagakawa tới các nhà phân phối, đại lý và người tiêu dùng trên cả nước. Công tác giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu và hình ảnh của Tập đoàn ra công chúng đã được tuyên truyền quy mô lớn hơn.

Tận dụng tối đa lợi thế của mạng xã hội, báo trực tuyến, năm 2021 Nagakawa đẩy mạnh hoạt động quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu trên nền tảng truyền thông số. Việc thực

hiện những chiến dịch Marketing lớn trên nền tảng digital đã góp phần không nhỏ vào việc đẩy mạnh thương hiệu, sản phẩm Nagakawa đến với người tiêu dùng trên cả nước.

Đẩy mạnh công tác PR, tài trợ cho nhiều hoạt động xã hội, cộng đồng, từ đây thương hiệu Nagakawa đã trở nên gần gũi và thân thiện hơn trong lòng công chúng, giúp quảng bá hình ảnh và đưa thông tin tới đông đảo khách hàng, bao phủ thị trường trên diện rộng.

Năm 2021 Nagakawa tiếp tục đầu tư và mở rộng kênh Thương mại điện tử www.shop.nagakawa.com.vn. Sau hơn 2 năm hoạt động kênh thương mại điện tử của Tập đoàn đã mang đến cho người tiêu dùng cả nước hàng trăm nghìn sản phẩm mang thương hiệu Nagakawa; bắt tay cùng với những ông lớn trong lĩnh vực Thương mại điện tử trong nước và quốc tế như Shopee, Lazada, Tiki, Sendo.... Giờ đây, chỉ cần 1 cú nhấp chuột, người tiêu dùng cả nước có thể dễ dàng tìm hiểu và mua sắm các sản phẩm của Tập đoàn Nagakawa một cách nhanh chóng và tiện lợi.

Để có thể xây dựng chiến lược thương hiệu dài hạn, chiến lược marketing đúng đắn và hiệu quả, Nagakawa đã phối hợp với những đơn vị tư vấn chiến lược hàng đầu Việt Nam và quốc tế trong các dự án, chiến dịch Marketing nhằm tối ưu hóa chi phí, tăng hiệu quả truyền thông.

4. Công tác tài chính kế toán

Công tác tài chính: Công tác huy động vốn từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng đảm bảo luôn sẵn sàng nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và phát triển ngành hàng cốt lõi của Nagakawa. Sẵn sàng đáp ứng đủ nguồn vốn cho mọi Thương vụ kinh doanh.

Công tác quản trị tài chính, quản lý dòng tiền thực hiện hiệu quả.

Mặc dù thị trường gặp khó khăn trong đại dịch Covid – 19, đặc biệt trong giai đoạn phong tỏa, nhưng Nagakawa vẫn đảm bảo công tác tài chính tốt và được các tổ chức tín dụng đánh giá cao.

5. Công tác kinh doanh

Năm 2021 vẫn là thời điểm vô cùng khắc nghiệt và thách thức, nhưng Nagakawa vẫn đạt được kế hoạch đề ra, tăng trưởng 36% so với cùng kỳ năm trước, đạt kế hoạch cả về doanh thu và lợi nhuận. Điều đó chứng tỏ, đội ngũ lãnh đạo cũng như nhân viên kinh doanh luôn bám sát thị trường và có những chính sách bán hàng phù hợp.

Nhờ việc mở rộng thêm nhiều kênh bán hàng (kênh MT, online) và làm tốt công tác chăm sóc khách hàng, Nagakawa không chỉ giữ được khách hàng truyền thống mà còn phát triển được nhiều khách hàng mới, mở rộng thị phần

Năm 2021 là năm kế tiếp thời kỳ khó khăn do hậu quả của dịch bệnh Covid-19 nhưng Nagakawa vẫn hoàn thành kế hoạch cả về doanh số và lợi nhuận.

Hơn thế, trong năm 2021, Nagakawa đã nhận được nhiều giải thưởng lớn như: Top 100 sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho gia đình và trẻ em với bộ sản phẩm Thiết bị nhà bếp cao cấp, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, giải thưởng Thương hiệu xanh trong cách mạng công nghiệp 4.0, Nhà máy thân thiện với môi trường.

Đây là những thành tựu tự hào của Nagakawa trong năm 2021.

6. Công tác phát triển sản phẩm

Năm 2021 là thời điểm vô cùng khó khăn với thị trường, đặc biệt trong việc phát triển sản phẩm. Với sự thích ứng linh hoạt và sáng tạo, đội ngũ phát triển sản phẩm Nagakawa vẫn kết

nổi được các nhà cung cấp trong và ngoài nước để đưa ra được sản phẩm phù hợp với thị trường, được người tiêu dùng yêu thích, đặc biệt ngành Điều hòa, Thiết bị nhà bếp cao cấp và Gia dụng.

Các sản phẩm của Nagakawa đều tuân thủ theo tiêu chí: BỀN! Chú trọng công tác giám sát chất lượng, kiên quyết không đưa các sản phẩm không tốt, chất lượng thấp ra thị trường. Xây dựng hình ảnh Tập đoàn, sản phẩm Nagakawa thật sự là biểu tượng của chất lượng.

7. Công tác tư vấn và chăm sóc khách hàng

Tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng trên toàn hệ thống cũng như trong từng khâu trải nghiệm của khách hàng (trước, trong và sau bán hàng). Đưa ra nhiều hơn nữa hoạt động chăm sóc khách hàng, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng. Đầu tư nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ khách hàng 24/7. Thực hiện bảo hành điện tử đối với ngành hàng Điện lạnh và thiết bị nhà bếp cao cấp.

Kết luận:

Năm 2021 mặc dù nhiều khó khăn nhưng Nagakawa đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ. Ban lãnh đạo Tập đoàn năng động, đội ngũ nhân viên đoàn kết dám nghĩ dám làm, luôn đưa ra các giải pháp sáng tạo để chiến thắng mọi khó khăn, thách thức. Trong khó khăn vẫn sẽ có cơ hội nếu biết tranh thủ sức mạnh nội tại, thích ứng hoàn cảnh, dám vượt khó vươn lên, đó là bài học rút ra của Nagakawa với năm 2021.

PHẦN II
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Tổng hợp các hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện 8 kỳ họp, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp. Chủ tịch HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động của Tập đoàn đến các thành viên HĐQT. Tất cả buổi họp Hội đồng quản trị đều có sự hiện diện của Ban Kiểm soát. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; có các đề xuất kịp thời giúp HĐQT đưa ra các định hướng và quyết định phù hợp trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;

Dựa trên Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc cùng Ban điều hành trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 24/04/2021
- Công tác tổ chức và sắp xếp nhân sự nhằm tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả công việc, đồng thời đánh giá được năng lực của cán bộ nhân viên.
- rà soát, đánh giá lại các quy trình nghiệp vụ đang thực hiện trong toàn công ty, từ đó cập nhật, sửa đổi nhằm thống nhất và phối hợp hoạt động giữa các bộ phận.
- Đầu tư vào các hoạt động sản xuất kinh doanh
- Để đảm bảo tính nghiêm túc và quản trị rủi ro, công ty đã thành lập phòng kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát hoạt động các công ty thành viên và các phòng ban liên quan, giúp Ban Tổng giám đốc phát hiện, kiểm soát, phòng ngừa và giải quyết các rủi ro.
- Xây dựng chiến lược 2021 - 2025

Với những kết quả đạt được trong năm 2021, trong tình hình bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, HĐQT đã thảo luận và đánh giá: TGD và Ban Điều hành đã có nỗ lực và đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, đảm bảo công ăn việc làm, đảm bảo an toàn sức khỏe nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan, tuân thủ nhiệm chính các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.

2. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thảo luận và Quyết nghị về thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	Thù lao	Tổng thù lao
1	Thù lao Hội đồng quản trị	454.485.020
2	Thù lao Ban kiểm soát	60.000.000

Căn cứ vào kết quả Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021: Doanh thu là 1.474.911.391.638 đồng; Lợi nhuận trước thuế là 22.724.250.984 đồng và tình hình sản xuất

kinh doanh thực tế năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quỹ thù lao thực hiện năm 2021 là 514.485.020 đồng, cụ thể:

- Quỹ thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021 là 454.485.020 đồng, trong đó:

+ Chủ tịch HĐQT : 0,68 % lợi nhuận trước thuế năm 2021

+ Phó chủ tịch HĐQT : 0,53 % lợi nhuận trước thuế năm 2021

+ Các thành viên HĐQT: 0,26 % lợi nhuận trước thuế năm 2021

- Quỹ thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 là 60.000.000 đồng, trong đó:

+ Trưởng Ban kiểm soát: 0,13 % lợi nhuận trước thuế năm 2021

+ Các thành viên Ban kiểm soát: 0,07 % lợi nhuận trước thuế năm 2021

Việc chi trả đã được thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

PHẦN III

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022 trước tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch COVID19, bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với những thời cơ thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. HĐQT nhận định Tập đoàn sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ kinh tế trong và ngoài nước như sau:

Kinh tế thế giới:

Hai cường quốc Mỹ và Trung Quốc giảm tốc rất lớn làm ảnh hưởng đến nguồn cung ứng nguyên vật liệu sản xuất cũng như phát triển kinh doanh cho toàn cầu.

Hai chính sách có ảnh hưởng trọng yếu đến tăng trưởng kinh tế là chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa. Lạm phát tại Mỹ tăng nhanh đến chóng mặt, cùng với phản ứng của thị trường và các nhà hoạch định chính sách đã gây ra rủi ro đáng kể lên triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ

Đại dịch Covid-19 có khả năng sẽ làm trầm trọng hơn sự lan truyền của làn sóng chống lại toàn cầu hóa. Theo IMF, tình trạng khan hiếm vắc xin và mức chi tiêu tăng mạnh cho các ưu tiên liên quan đến dịch bệnh đã và đang kìm hãm nỗ lực tăng trưởng kinh tế tại các thị trường mới nổi và các nước đang phát triển có thu nhập thấp trong đó có Việt Nam.

Kinh tế trong nước:

Năm 2022 được các tổ chức dự đoán sẽ là một năm phục hồi kinh tế trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Hoạt động xuất khẩu mạnh mẽ sẽ thúc đẩy đầu tư và tiêu dùng trong nước, thông qua hiệu ứng lan toả tích cực. Chính phủ đang thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư toàn xã hội, đặc biệt là vốn đầu tư công được phép thực hiện trong cuối năm 2021 và đầu năm 2022. Đây là cơ hội để tăng trưởng doanh thu các lĩnh vực kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

Tổng vốn FDI vào Việt Nam năm 2022 dự kiến sẽ cao hơn mức 40 tỷ USD (vốn đăng ký) và 22 tỷ USD (vốn thực hiện) như mục tiêu đã đề ra. Đầu tư FDI vẫn duy trì ở mức cao, tập trung chủ yếu vào việc phát triển các khu công nghiệp, đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội cao, đây là cơ hội đầu tư và tăng doanh thu cho tất cả các ngành kinh doanh của Nagakawa, trong đó bao gồm cả ngành bất động sản đang dự kiến mở rộng.

Với những đặc điểm tình hình trên, cùng với mục tiêu quan trọng của năm 2022, Nagakawa sẽ tập trung nguồn lực vượt qua khó khăn do đại dịch Covid -19, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm tạo đà cho sự phát triển đột biến năm 2022 và những năm tiếp theo. Sau khi phân tích thách thức cơ hội, HĐQT kính trình đại hội thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.800.000.000.000	22%
2	Doanh thu thuần	1.746.000.000.000	24%
3	Lợi nhuận sau thuế	25.000.000.000	62%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,4%	30%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	7,7%	10%
6	Tỷ lệ cổ tức	Từ 05% - 10%	

Để hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội, chúng ta cần triển khai các công tác trọng điểm theo chiến lược 2021 – 2025 như sau:

- Tăng cường sử dụng công nghệ vào đầu tư và phát triển sản phẩm mới
- Duy trì hoạt động kinh doanh cốt lõi
- Mở rộng các thị trường mới, các kênh bán hàng mới và phân khúc mới
- Cải thiện năng lực kỹ thuật số
- Nâng cao trách nhiệm xã hội

1. Công tác kinh doanh

Theo mục tiêu chiến lược 2021 – 2025 và tầm nhìn 2030, để chuẩn bị cho tham vọng trở thành top 5 thương hiệu sản xuất và phân phối điều hòa không khí tại Việt Nam và trở thành Thương hiệu dẫn đầu trong ngành thiết bị nhà bếp cao cấp tại thị trường Việt Nam, Tập đoàn Nagakawa tập trung nghiên cứu thị trường, hoạch định chiến lược và vạch ra kế hoạch rõ ràng, chi tiết để từng bước thực hiện mục tiêu trên. Bên cạnh việc kiện toàn bộ máy quản trị của từng ngành hàng, tập trung vào phát triển nguồn lực tại nguồn, nâng cao chất lượng nhân lực, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm để đưa ra những sản phẩm mới cạnh tranh hơn, chất lượng hơn, thông minh hơn...

Tập đoàn tiếp tục mở rộng và phát triển các thị trường mới và kênh phân phối mới, cụ thể là tập trung đầu tư tái thiết lại thị trường Miền Nam, củng cố kênh bán hàng truyền thống tại Miền Bắc, phát triển chuyên sâu hơn kênh Thương mại điện tử, dự án và mở rộng kinh doanh sang kênh siêu thị điện máy với khởi đầu là sự hợp tác với hệ thống siêu thị Điện Máy Xanh – chuỗi điện máy lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2022, Nagakawa đặt mục tiêu sẽ phủ toàn bộ 2.500 điểm bán của Điện Máy Xanh và hệ thống siêu thị lớn trên toàn quốc. Bên cạnh đó, tiếp tục tập trung củng cố và mở rộng hệ thống kênh phân phối khắp cả nước, tiếp cận với 10.000 điểm bán trên cả nước để mọi người dân Việt đều có thể dễ dàng mua sản phẩm mang Thương hiệu Nagakawa.

2. Công tác Truyền thông - Marketing

Theo bản đồ chiến lược 2021 - 2025, Tập đoàn Nagakawa đưa ra chiến lược Thương hiệu mới “An tâm toàn diện”, thông điệp mới này như một sự cam kết của Nagakawa mang đến sự an tâm trọn vẹn cho khách hàng. Đối tác, cổ đông sẽ hoàn toàn an tâm với những hướng đi đúng đắn của Nagakawa; khách hàng an tâm với những sản phẩm, chương trình, chính sách kinh doanh mà Nagakawa đem lại; người tiêu dùng an tâm với những sản phẩm an toàn, tiện nghi do Nagakawa cung cấp... Trọng tâm của chiến lược là “Lấy khách hàng làm trung tâm” với mong muốn mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng, tiện nghi, góp phần nâng tầm cuộc sống của mỗi gia đình Việt.

Sự chuyển dịch sang Chiến lược “lấy khách hàng làm trung tâm” được thiết kế xung quanh nhu cầu và sở thích của khách hàng. Đó là sự ưu tiên khách hàng trước các nhân tố khác, sử dụng trực giác, cảm nhận bằng giác quan, dữ liệu về ứng xử của khách hàng. Chiến lược “lấy khách hàng làm trung tâm” không phải chỉ cung cấp một dịch vụ tuyệt vời, mà cung cấp một trải nghiệm từ giai đoạn nhận thức, qua quá trình mua hàng, và quá trình sau bán hàng. Đó là chiến lược đặt khách hàng lên trên hết, và ở trung tâm của doanh nghiệp.

Để hiện thực hóa chiến lược và định hướng mới, năm 2022, Tập đoàn Nagakawa tiếp tục đẩy mạnh công tác Marketing, tăng cường các hoạt động giới thiệu quảng bá thương hiệu, hình ảnh, sản phẩm tới khách hàng.

Đẩy mạnh công tác nội dung, tối ưu hóa trải nghiệm người dùng trên các nền tảng số của Nagakawa, tạo sự thiện cảm cho khách hàng.

Xây dựng chiến lược phát triển Thương hiệu cho từng ngành hàng với định hướng rõ nét, nhất quán, lộ trình dài hạn từng bước chinh phục người tiêu dùng Việt một cách hiệu quả.

Triển khai chiến dịch Marketing 360 độ - Marketing toàn diện để tối ưu hóa nhận diện thương hiệu, tăng cường nhận biết thương hiệu, mang Thương hiệu và sản phẩm Nagakawa đến gần hơn với mọi nhà, chinh phục mọi khách hàng Việt bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Đó là con đường phát triển bền vững nhất.

3. Công tác nghiên cứu sản phẩm

Với chiến lược “Lấy khách hàng làm trung tâm” Nagakawa không ngừng nghiên cứu và tìm hiểu sở thích, nhu cầu của khách hàng, thấu hiểu khách hàng, từ đó tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp đáp ứng cho những sở thích và nhu cầu đó. Hơn thế nữa, Nagakawa chú trọng ứng dụng tư duy thiết kế vào quá trình sản xuất. Tư duy thiết kế là tư duy tập trung vào “kết quả người dùng nhận được” thay vì chỉ dựa trên yêu cầu của người dùng hoặc ý muốn chủ quan của nhà sản xuất như trước đây.

Tiếp nối những dấu ấn ấn tượng trong năm 2021, Tập đoàn Nagakawa sẽ tiếp tục đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để đưa ra những bộ sản phẩm chất lượng hơn, thẩm mỹ hơn, được trang bị nhiều công nghệ tiên tiến hơn nữa. Từ đó từng bước giúp nâng tầm thương hiệu Nagakawa lên một vị thế mới với những sản phẩm thuộc phân khúc hàng cao cấp có nhiều yếu tố cạnh tranh như Bền bỉ về chất lượng, sang trọng về kiểu dáng, tiện nghi trong từng tính năng và tối ưu mọi trải nghiệm của khách hàng trong dịch vụ sản phẩm.

Đối với ngành điều hòa, năm 2022 Tập đoàn Nagakawa sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm điều hòa với nhiều đột phá về công nghệ và các tính năng vượt trội thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng như: tính năng lọc không khí, diệt khuẩn, tiết kiệm điện chỉ từ 1Kw điện 1 đêm, tính năng cảm biến thông minh...

Tiếp tục phát triển ngành hàng gia dụng, Nagakawa đưa ra mục tiêu trở thành đơn vị top đầu trong ngành hàng Gia dụng tại Việt Nam. Mở rộng thị trường, cam kết phát triển những sản phẩm công nghệ cao, tốt cho sức khỏe người dùng và áp dụng những công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm phù hợp nhu cầu, tâm lý, văn hóa tiêu dùng của người Việt.

Năm 2022, ngành hàng Thiết bị nhà bếp cao cấp của Nagakawa sẽ tiếp tục đưa ra thị trường những bộ sản phẩm nằm trong phân khúc cao cấp, với hàm lượng công nghệ cao, thiết kế hiện đại... Bộ sản phẩm mới này kỳ vọng sẽ giúp Nagakawa thực hiện mục tiêu đưa thương hiệu Thiết bị nhà bếp cao cấp trở thành thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam.

Bám sát thị trường, theo sát những biến động, các chính sách của đối thủ cạnh tranh để có những đối sách phát triển sản phẩm phù hợp.

Tiếp tục đầu tư nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ, công nghệ, máy móc tiên tiến trong sản xuất, đầu tư phát triển sản phẩm, phù hợp với tâm lý tiêu dùng của người Việt.

4. Công tác tổ chức hành chính

Năm 2021, Nagakawa kiện toàn bộ máy quản trị, ưu tiên tuyển dụng các nhân sự cấp cao, có thâm niên công tác tại các Tập đoàn lớn để giúp kiến thiết lại các quy trình làm việc, chuyên nghiệp hóa bộ máy quản trị bằng việc ứng dụng các công nghệ hỗ trợ tối ưu năng suất lao động.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Nagakawa Hồ Chí Minh, bổ sung thêm nguồn lực nhằm khai thác tốt hơn nữa thị trường miền Nam đầy tiềm năng.

Đẩy mạnh công tác phong trào, công tác thi đua khen thưởng thường xuyên, sát thực và hiệu quả;

Triển khai kế hoạch đào tạo tập trung, đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5. Công tác tài chính kế toán

Thực hiện báo cáo tài chính và kiểm toán theo quy định. Triển khai công tác tài chính năm 2021 và kế hoạch tài chính 5 năm. Kiểm soát dòng tiền hiệu quả, đảm bảo việc huy động được nguồn vốn giá rẻ, ngắn hạn và dài hạn đáp ứng nhu cầu cho SXKD và đầu tư của Tập đoàn.

Tham mưu cho Ban lãnh đạo và HĐQT về kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn, dự báo rủi ro tài chính và hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

Nâng cao năng lực cán bộ tài chính, kế toán nhằm đáp ứng yêu cầu cao theo sự phát triển Tập đoàn.

Chú trọng hoàn thiện và áp dụng các quy định, quy trình quản lý nội bộ.

6. Công tác tư vấn và chăm sóc khách hàng

Bên cạnh việc cải tiến sản phẩm, năm 2021 Tập đoàn Nagakawa thực hiện tái cấu trúc bộ máy tư vấn chăm sóc khách hàng, đưa ra giải pháp quản lý, chăm sóc và có những chính sách hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng.

Tập đoàn Nagakawa đã có những chiến lược và chính sách cụ thể để phát triển công tác tư vấn và chăm sóc khách hàng như ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản trị hệ thống, xây dựng các app giúp tối ưu trải nghiệm của khách hàng với dịch vụ của Nagakawa, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu Big Data về khách hàng và thiết lập mạng lưới Digital Services để đem tới cho khách hàng dịch vụ chăm sóc sau bán hoàn hảo, tận tâm và chuyên nghiệp nhất.

KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả của năm 2021, năm 2022, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển Tập đoàn, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành nhằm phát huy mọi tiềm năng và nội lực để hoàn thành nhiệm vụ và đạt hiệu quả cao nhất có thể cho dòng vốn đầu tư của các cổ đông tại NAG.

Xin chân thành cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC KHẢ





**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**
Số: 01/BC-BKS-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021 VÀ NHIỆM KỲ 5 NĂM 2017 – 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 5 NĂM 2022 - 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

Trên tinh thần khách quan, nghiêm túc kiểm soát đánh giá toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã công bố và giám sát việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và các nghị quyết của Hội đồng quản trị (HDQT) giao Ban Tổng giám đốc (BTGD) thực hiện năm 2021. Ban kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa xin trình bày báo cáo kiểm soát năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NHIỆM KỲ III (2017 – 2021)

Ngày 21/04/2017, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ với 03 thành viên. BKS đã họp và bầu trưởng ban cũng như phân công nhiệm vụ cho từng thành viên:

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Trưởng ban
Ông Vũ Tiến Thành - Thành viên
Bà Vũ Hải Yến - Thành viên

Trong nhiệm kỳ, BKS đã thực hiện việc kiểm soát đối với hoạt động của công ty hàng năm đối với các lĩnh vực như sau:

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HDQT).
- Kiểm soát Báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm, từ năm 2017 – 2021.



- BKS tham gia trong tất cả các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Đưa ra những kiến nghị với HĐQT và Ban Tổng giám đốc về các chính sách liên quan đến sản phẩm, chính sách bán hàng, của công ty.

- Tham gia cùng HĐQT trong việc lựa chọn công ty kiểm toán.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường.

Thông qua các hoạt động kiểm soát như trên, BKS kính trình ĐHCĐ các nội dung chi tiết như sau:

- Các Báo cáo tài chính (BCTC) trong nhiệm kỳ III (2017 – 2021) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, đây là đơn vị đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán BCTC cho các công ty niêm yết. Các BCTC của công ty được lập theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình tài chính của công ty tại các thời điểm báo cáo.

- BKS đã xem xét báo cáo kiểm toán 6 tháng/năm và đồng ý với kết luận của công ty kiểm toán về số liệu trên BCTC riêng, BCTC tổng hợp, BCTC hợp nhất hàng năm.

- Báo cáo tài chính được công bố thông tin kịp thời và đúng quy định đến các cổ đông và nhà đầu tư.

- Định kỳ hàng quý, BKS cùng tham gia với Ban Tổng giám đốc để đánh giá các chỉ tiêu tài chính, đặc biệt là chỉ tiêu về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, công nợ, hàng tồn kho,... nhằm đưa ra các giải pháp kịp thời và cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TGD

Trong nhiệm kỳ III (2017 – 2021), HĐQT đã tổ chức họp theo đúng quy định của Điều lệ công ty, các thành viên tham gia hầu hết các cuộc họp. HĐQT đã xem xét kết quả kinh doanh trong kỳ, đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư và thảo luận chiến lược kinh doanh theo Nghị quyết ĐHCĐ đã phê chuẩn hàng năm.

HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền. Các nghị quyết ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết ĐHCĐ về điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty.

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và phối hợp với Ban điều hành chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết ĐHCĐ nhiệm kỳ III (2017 – 2021).

Công tác quản trị được thực hiện nghiêm túc theo quy chế đã ban hành, đảm bảo cung cấp thông tin bất thường và thông tin định kỳ của Công ty đến cổ đông và các cơ quan chức năng kịp thời và đúng thời hạn.

Thù lao của HĐQT và BKS trong nhiệm kỳ được chi trả theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên các năm.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VÀ HĐQT, BTGD

Trong nhiệm kỳ, BKS được HĐQT và BTGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty, nhằm phục vụ cho mục đích kiểm tra, giám sát của BKS.

BKS được tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

BKS, HĐQT, BTGD phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết các vướng mắc của BKS trong quá trình kiểm tra, giám sát.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

Toàn bộ số liệu tài chính do HĐQT vừa công bố đều được trích dẫn từ báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2021, số liệu trên hoàn toàn phản ánh trung thực kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm qua và được hạch toán tuân thủ đầy đủ theo các quy định về hạch toán kế toán hiện hành. Kết quả trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, một đơn vị kiểm toán uy tín hiện nay.

Số liệu cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2021.

Đơn vị tính: vnd

STT	Nội dung	Số cuối kỳ (31/12/2021)	Số cuối kỳ (31/12/2020)
1	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.201.009.605.290	773.578.800.737
1.1	Tài sản ngắn hạn	1.094.617.516.039	706.923.329.362
1.2	Tài sản dài hạn	106.392.089.251	66.655.471.375
2	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.201.009.605.290	773.578.800.737
2.1	Nợ phải trả	972.101.321.136	560.702.255.971
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	228.908.184.154	212.876.544.766
2.2.1	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.474.911.391.638
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.724.250.984
3	Lợi nhuận sau thuế:	15.440.626.818
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.058

Kết quả thực hiện theo kế hoạch kinh doanh năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1.	Doanh thu:	1.500.000.000.000	1.474.911.391.638	98.32%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	15.000.000.000	15.440.626.818	102.93%

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỶ IV (2022 – 2026)

Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, trọng tâm như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

- Đánh giá các Báo cáo tài chính của Công ty.

- Giám sát việc triển khai các dự án đầu tư mới (nếu có).

- Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc hoàn thiện công tác quản trị công ty.

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện được hầu hết các Nghị quyết của ĐHĐCĐ như: chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, chi trả cổ tức, các dự án đầu tư, tăng vốn điều lệ,...

Trong phạm vi quyền hạn của mình, BKS đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong các năm qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại hóa sản phẩm, mở rộng hệ thống phân phối, đầu tư chi phí nghiên cứu phát triển thị trường và sản phẩm, nhằm đạt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, củng cố vị thế của Nagakawa.

2. Kiến nghị

Dịch bệnh trên thế giới vẫn chưa được kiểm soát, thị trường trong nước cạnh tranh ngày càng khốc liệt, thị trường điện lạnh và gia dụng cạnh tranh vô cùng gay gắt, thách thức từ thị trường đặt ra những nhiệm vụ hết sức nặng nề cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban Công ty. Đòi hỏi sự nỗ lực của từng thành viên trong công ty cũng như sự ủng hộ của quý vị cổ đông.

Bên cạnh những kết quả và thành tích mà Công ty đã đạt được trong năm qua, để tiếp tục phát triển thương hiệu Công ty trong các lĩnh vực kinh doanh, tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, tăng lợi ích cho cổ đông, BKS có một số kiến nghị Công ty các nội dung sau:

- Khai thác nguồn vốn giá rẻ và kiểm soát hiệu quả hơn nữa về sử dụng dòng tiền, đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị đảm bảo đáp ứng tốt tốc độ phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty để nâng cao hơn nữa uy tín, hình ảnh của Công ty trên thị trường.

- Xây dựng kế hoạch tài chính hiệu quả hơn để đảm bảo vốn đáp ứng kịp thời cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư công nghệ quản lý và thiết bị, công nghệ tiên tiến phục vụ mục tiêu phát triển.

- Tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, góp phần nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp. Đẩy mạnh văn hóa, nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong công tác quản trị rủi ro tại Công ty một cách thường xuyên và chuyên nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách với người lao động, cơ chế thi đua khen thưởng tạo động lực thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong Quý cổ đông, quý đại biểu đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó. Trong hoạt động của mình, để phát huy được vai trò kiểm soát ở mức cao nhất, Ban Kiểm soát sẽ nỗ lực nhiều hơn nữa và mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các cổ đông cũng như của HĐQT, sự hợp tác và phối hợp của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong công ty.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Trình ĐH cổ đông

- HĐQT công ty

- Lưu BKS

T/M TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ THU THẢO

(Đã ký)





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA



BÁO CÁO

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ III (2017 – 2021)
VÀ KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN NHIỆM KỲ IV (2022 – 2026)**

Hà Nội, tháng 2 năm 2022

PHẦN I

TỔNG KẾT NHIỆM KỶ III (2017 – 2021)

I. Tình hình chung

Những năm đầu của nhiệm kỳ, sau suy thoái kinh tế, Thế giới chuyển sang giai đoạn hồi phục. Việc hội nhập nhanh, thuế quan giảm, dẫn đến nhiều hãng nước ngoài đầu tư vào VN, nhiều thương hiệu nhỏ trong nước ra đời, làm cho tính cạnh tranh càng trở nên phức tạp.

Tình hình Thế giới bất ổn. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn ra căng thẳng, tình trạng bảo hộ thương mại của các nước diễn ra gay gắt, làm cho tình hình kinh tế Thế giới biến động khôn lường.

Năm 2020 và 2021, Thế giới chứng kiến một cú sốc lớn đối về kinh tế - chính trị - xã hội khi xuất hiện đại dịch Covid-19, toàn cầu bị đóng băng, trong đó có Việt Nam. Do dịch bệnh, nên nguồn cung bị đứt gãy, logistic gặp nhiều khó khăn, chi phí nhân công tăng do các qui định về chống dịch và giãn cách xã hội, giá nguyên vật liệu tăng, sức mua sụt giảm.

Có thể nói, nhiệm kỳ 2017- 2021 là nhiệm kỳ cực khó khăn.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2021

1. Công tác nhân sự

1.1. Hội đồng quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT được đại hội bầu, gồm 5 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Đào Thị Soi	Thành viên
4	Nguyễn Ngọc Quý	Thành viên
5	Trương Đào Hải Hà	Thành viên

Trong nhiệm kỳ, các thành viên HĐQT không có sự biến động.

1.2. Tổng giám đốc

Cũng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT đã nhất trí bầu ông Nguyễn Đức Khả làm Tổng giám đốc. Đến 22/07/2020, căn cứ vào luật Doanh nghiệp và theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT, HĐQT đã nhất trí bầu bà Nguyễn Thị Huyền Thương làm Tổng giám đốc.

2. Kết quả hoạt động

Trước những khó khăn thách thức trên, ngay sau đại hội, HĐQT đã xác định những mục tiêu chiến lược sau:

- Thay đổi tư duy để chủ động thích ứng

Với những thay đổi nhanh của môi trường kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty đã nâng cao năng lực quản trị để thay đổi tư duy chủ động thích nghi. Ngày 22/07/2020, Nagakawa công bố tầm nhìn và sứ mệnh:

Tầm nhìn: “Trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy nhất, kiến tạo cuộc sống tiện nghi cho mỗi gia đình Việt”

Sứ mệnh: Không ngừng sáng tạo và đổi mới trong việc cung cấp các dịch vụ và sản phẩm tiện nghi bằng sự thấu hiểu mọi nỗi lo, quan tâm mọi nhu cầu và trách nhiệm đến cùng vì chất lượng cuộc sống của gia đình Việt.

- Tái cấu trúc doanh nghiệp theo mô hình mới

Trong 5 năm qua, công ty đã thực hiện tái cấu trúc lại: mô hình tổ chức, quy hoạch dòng sản phẩm, công tác dịch vụ và xây dựng cơ chế chính sách khác.

+ Công ty xây dựng cơ chế lương thưởng theo KPI (theo tư vấn của KPMG)

+ Số hóa, đưa công nghệ vào quản trị vận hành

- Xây dựng Chiến lược kinh doanh mới

Sau khi rà soát, công ty đã xây dựng lại Chiến lược kinh doanh mới, lấy khách hàng làm trung tâm. Để triển khai việc này, công ty đã tập trung phát triển nguồn nhân lực và công nghệ, mở rộng nhiều kênh bán hàng và nhiều ngành nghề kinh doanh mới. Năm 2018 ra đời ngành hàng gia dụng, năm 2020 ra đời ngành hàng thiết bị nhà bếp cao cấp.

- Nâng cao tinh thần tự tôn dân tộc và xây dựng bản sắc văn hóa Nagakawa.

05 năm qua, với khát vọng nâng tầm chuẩn sống Việt, công ty đã phát huy lợi thế và không ngừng vươn lên, nâng cao sức cạnh tranh trong nước và quốc tế, đảm bảo uy tín, thương hiệu và giá trị cốt lõi của Nagakawa cũng như các sản phẩm cung cấp ra thị trường.

Các hoạt động văn hóa doanh nghiệp được tăng cường đẩy mạnh ở quy mô lớn hơn và duy trì đều đặn để xây dựng nền tảng con người bền vững, làm bệ phóng cho phát triển doanh nghiệp lâu dài.

Giai đoạn 2017 - 2021, doanh thu tăng trưởng từng năm, các sản phẩm của Nagakawa được người tiêu dùng yêu thích và tin tưởng. Vị thế Nagakawa được khẳng định trên thị trường trong nước và quốc tế.

Dưới đây là:

2.1. Kết quả kinh doanh hàng năm.

Chỉ tiêu/ Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu	509,108,192,756	767,829,725,239	1,041,209,555,889	1,087,727,555,048	1,474,911,391,638
% thay đổi	30%	51%	36%	4%	36%
Lợi nhuận sau thuế	16,035,861,577	10,121,802,052	12,041,525,919	8,269,034,005	15,440,626,818
Tỷ suất LNST/ DT	3.1%	1.3%	1.2%	0.8%	1.0%
LNST của cổ đông Công ty mẹ	15,646,936,551	10,748,411,727	14,441,341,234	8,509,277,903	18,014,014,171
Cổ tức	500	700	500	500	600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,033	709	894	525	1,058
Nộp ngân sách	29,796,955,550	69,439,663,262	83,473,490,688	109,643,190,242	178,608,879,507

2.2. Phát triển nguồn vốn:

Chi tiêu/Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Vốn điều lệ	148,495,780,000	148,495,780,000	158,886,360,000	158,886,360,000	166,826,240,000
Vốn chủ sở hữu	189,058,718,943	200,751,132,360	212,792,658,279	212,876,544,766	228,908,184,154
Tổng tài sản	360,803,445,945	613,801,111,355	639,312,471,434	773,578,800,737	1,201,009,605,290

Từ kết quả trên cho thấy:

- Trong nhiệm kì vừa qua, Hội đồng quản trị đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội cổ đông đã đề ra, kết quả doanh thu tăng trưởng đều đặn từng năm.

- Đảm bảo được nguồn vốn và có cổ tức hàng năm cho các cổ đông, mặc dù chưa cao

- Cổ phiếu của Nagakawa được thị trường chấp nhận, tăng trưởng 100%. Việc tăng trưởng giá trị cổ phiếu của NAG là hoàn toàn phù hợp với kết quả kinh doanh của công ty, tương xứng với uy tín của công ty trên thương trường.

Tuy nhiên: mặc dù tăng trưởng doanh số nhưng chưa đảm bảo lợi nhuận. Đây là nhiệm vụ mà HĐQT nhiệm kì tới phải quan tâm và khắc phục.

PHẦN II

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHIỆM KỲ IV (2022 – 2026)

I. Tình hình chung

Đánh giá tình hình công ty giai đoạn 2022 – 2026, Hội đồng quản trị nhận thấy:

1. Thách thức

- Đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp và khó lường. Tình hình chính trị Thế giới vẫn còn nhiều bất ổn.
- Năng lực sản xuất và cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Nagakawa bị giảm. Việc tăng giá nhiều mặt hàng như xăng dầu, than, kim loại màu sẽ đẩy giá thành sản xuất lên cao, chi phí sản xuất cũng tăng theo khiến cho giá hàng tiêu dùng trong nước cũng tăng cao. Điều đó ảnh hưởng rất lớn doanh thu bán hàng của các doanh nghiệp.
- Tình trạng lạm phát gia tăng trên toàn Thế giới trong bối cảnh giá cả năng lượng, nhiên liệu, vận tải trên toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng. Hoạt động xuất nhập khẩu nguyên vật liệu vẫn bị tác động tiêu cực do tình trạng ách tắc trong vận tải quốc tế và phí vận tải tăng cao.
- Tình trạng thiếu hụt lao động và chi phí lao động tăng cao. Các chi phí phát sinh từ việc phòng chống dịch bệnh cho đội ngũ lao động cũng là mối đe dọa cho doanh nghiệp vì chi phí tăng sẽ làm đội giá thành và giảm khả năng cạnh tranh.

2. Cơ hội

Mặc dù có những thách thức to lớn nhưng chúng ta cũng nhận thấy có nhiều cơ hội:

- Tỷ lệ tiêm vắc xin trong nước tăng nhanh chóng. Hiện nay, Việt nam đã có 83% người từ 18 tuổi trở lên được tiêm phòng Covid, các khu vực trung tâm sản xuất đều có tỷ lệ tiêm vắc xin đạt 95%. Từ đó cho thấy cơ hội tái khởi động lại hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong thời gian tới.
- Thị trường quốc tế có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều quốc gia và Việt Nam đã bắt đầu chuyển sang giai đoạn bình thường mới. Tổng vốn FDI vào Việt Nam được dự đoán tăng cao trong 05 năm tới. Đầu tư FDI duy trì ở mức cao, tập trung chủ yếu vào việc phát triển các khu công nghiệp, đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội cao, đây là cơ hội đầu tư và tăng doanh thu cho tất cả các ngành kinh doanh của Nagakawa, trong đó bao gồm cả ngành bất động sản đang dự kiến mở rộng.
- Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đã và đang được thực hiện (chính sách giảm thuế, các gói hỗ trợ...).

3. Kế hoạch 2022

Đứng trước những cơ hội và thách thức, HĐQT trình Đại hội thông qua Kế hoạch kinh doanh 2022 - 2026 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 – 2026
1	Tổng doanh thu	5.000.000 – 6.000.000

2	Vốn chủ sở hữu	1.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	15%

Để đảm bảo được mục tiêu kế hoạch trên, chúng ta cần thực hiện chiến lược và nhiệm vụ sau:

4. Chiến lược phát triển

- Tăng cường sử dụng công nghệ vào đầu tư và phát triển sản phẩm mới
- Duy trì hoạt động kinh doanh cốt lõi
- Mở rộng các thị trường mới, các kênh bán hàng mới và phân khúc mới
- Cải thiện năng lực kỹ thuật số
- Nâng cao trách nhiệm xã hội

5. Nhiệm vụ

- Hoàn thiện chiến lược tổng thể mà công ty đã xây dựng nhằm thích ứng với tình hình mới: Tiếp tục tái cấu trúc doanh nghiệp, tái cấu trúc chuỗi giá trị, hoàn thiện quy trình sản xuất kinh doanh, từ đó cắt giảm chi phí, cắt giảm các nguồn lực cho những lĩnh vực ít tiềm năng để tập trung nguồn lực cho những lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro: Trong bối cảnh nền kinh tế Thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp. Ban điều hành Công ty cần chủ động đưa ra các kịch bản và các phương án ứng phó nhằm giải quyết kịp thời các khó khăn, giảm thiểu tối đa các tổn thất của công ty.

- Tận dụng mọi thời cơ nếu có để tiến hành mọi hoạt động mua bán, sáp nhập (M&A) nhằm thu tóm các lĩnh vực, các hoạt động có tiềm năng nhằm mang lại nhiều lợi nhuận cho công ty.

- Đại dịch Covid-19 đã mở ra một kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ dẫn đến sự thay đổi mạnh tính cơ cấu và đặc biệt là xu hướng tiêu dùng thích ứng với kỹ thuật số. Vì thế công ty cần ưu tiên cho việc đầu tư và phát triển chiến lược cho chuyển đổi số. Bổ sung nhân sự chất lượng cao cho Trung tâm công nghệ Nagakawa (thành lập ngày 06/02/2022 vừa qua), xây dựng Hệ sinh thái công nghệ Nagakawa phục vụ công tác phát triển số nhằm tạo bước đột phá cho công ty trong 5 năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị công ty tin tưởng các cổ đông, cán bộ CBNV công ty tiếp tục đoàn kết, ủng hộ Ban điều hành, quyết tâm với tinh thần cao nhất để hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm mà Đại hội đề ra.

Xin chân thành cảm ơn!

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Số: 01./2022/TTr-ĐHĐCD

Vĩnh Phúc, ngày 29.. tháng 01. năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
(V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa (Báo cáo chi tiết đính kèm).

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán và xác nhận:

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

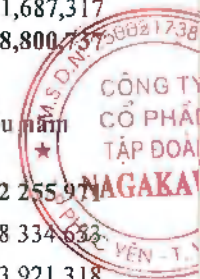
Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VP.



I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Số cuối năm	Số đầu năm
A	Tài sản ngắn hạn	1,094,617,516,039	706,923,329,362
I	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	9,619,969,924	4,914,235,456
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	91,694,369,728	34,500,000,000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	349,201,382,867	254,592,158,679
IV	Hàng tồn kho	619,644,770,535	404,715,939,357
V	Tài sản ngắn hạn khác	24,457,022,985	8,200,995,870
B	Tài sản dài hạn	106,392,089,251	66,655,471,375
I	Các khoản phải thu dài hạn	824,868,485	848,672,499
II	Tài sản cố định	29,230,228,271	29,357,611,699
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	24,050,080,162	23,966,192,754
2	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		
3	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	5,180,148,109	5,391,418,945
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	794,900,455	18,544,965,000
V	Đầu tư tài chính dài hạn	40,163,241,173	14,142,534,860
VI	Tài sản dài hạn khác	35,378,850,867	3,761,687,317
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,201,009,605,290	773,578,800,737
	NGUỒN VỐN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C	Nợ phải trả	972,101,421,136	560,702,255,979
I	Nợ ngắn hạn	970,480,669,668	559,138,334,632
II	Nợ dài hạn	1,620,751,468	1,563,921,318
D	Vốn chủ sở hữu	228,908,184,154	212,876,544,766
I	Vốn chủ sở hữu	228,908,184,154	212,876,544,766
1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	166,826,240,000	158,886,360,000
2	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	5,672,110,000	5,672,110,000
3	<i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</i>		
4	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>		
5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(20,000)	(20,000)
6	<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>		
7	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>		
8	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	6,341,448,011	5,915,984,116
9	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>		
10	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>		
11	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	34,650,168,523	25,171,683,805
12	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i>		
13	<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	15,418,237,620	17,230,426,845
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	<i>Nguồn kinh phí</i>		
2	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,201,009,605,290	773,578,800,737



KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,474,911,391,638	1,087,727,555,048
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	70,487,301,614	11,871,421,451
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,404,424,090,024	1,075,856,133,597
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,222,408,887,624	929,498,541,067
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		182,015,202,400	146,357,592,530
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,217,855,145	4,301,892,393
Chi phí tài chính	22	VI.4	40,246,883,541	24,161,639,116
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		37,953,673,786	23,309,270,556
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6,020,706,313	(8,382,956,747)
Chi phí bán hàng	25	VI.5	100,014,883,541	77,446,254,238
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29,704,241,847	27,539,167,112
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,287,754,929	13,129,467,710
Thu nhập khác	31	VI.7	667,213,522	2,758,339,617
Chi phí khác	32	VI.8	2,230,717,467	1,282,808,983
Lợi nhuận khác	40		(1,563,503,945)	1,475,530,634
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22,724,250,984	14,604,998,344
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	9,573,937,756	4,549,537,817
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(2,290,313,590)	1,786,426,522
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15,440,626,818	8,269,034,005
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		18,014,014,171	8,509,277,903
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2,573,387,353)	(240,243,898)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1,058	525
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1,058	525

Vinh Phúc, ngày 29 tháng 01 năm 2022

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Huy Chi Dung

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền Thương

Số: 03/2022/TT-DHĐCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCĐ-NAG ngày 24/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

STT	Khoản mục	Năm 2021
1	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	15.440.626.823
2	Tổng trích lập các quỹ	1.080.843.878
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST (bắt buộc)	772.031.341
2.2	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi 2% LNST	308.812.536
3	Thù lao HĐQT & BKS	514.485.020
3.1	Trả thù lao HĐQT 2% LNST	454.485.020
3.2	Trả thù lao Ban kiểm soát	60.000.000



STT	Khoản mục	Năm 2021
4	Chia cổ tức 6% Vốn điều lệ tại ngày 12/01/2022	10.009.570.000
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.835.727.925

II. Về hình thức chi trả cổ tức:

1. Hình thức chi trả cổ tức: Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

2. Phương án phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa
- Mã cổ phiếu: NAG
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại ngày đăng ký cuối cùng được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ sẽ không được hưởng quyền.
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 1.000.957 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá): 10.009.570.000 đồng.
- Phương thức: thực hiện quyền.
- Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: 6%, tức cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được quyền nhận 6 cổ phiếu mới phát hành theo nguyên tắc làm tròn đến hàng đơn vị.

(Tỷ lệ dự kiến nêu trên được tính theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 12/01/2022 là 16.682.622 cổ phiếu. Trường hợp tại thời điểm phát hành số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thay đổi thì ĐHCĐ giao HĐQT điều chỉnh và xác định tỷ lệ phát hành cụ thể để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức không vượt quá 1.000.957 cổ phiếu).

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị và theo nguyên tắc làm tròn xuống, phần lẻ hàng thập phân của cổ phiếu sẽ bị hủy.

- Địa điểm thực hiện:

- + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Cổ phiếu sẽ được phân bổ về tài khoản mà cổ đông đã mở tại các thành viên lưu ký.
- + Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Cổ đông làm thủ tục nhận cổ phiếu phát hành thêm tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà 96A Định Công, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Nguồn vốn thực hiện: Số tiền dự kiến dùng để chi trả cổ tức khoảng 10.009.570.000 đồng được trích từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của Công ty.

- Thời gian thực hiện: dự kiến trong Quý II/ Quý III năm 2022 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

III. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục, nội dung công việc cần thiết để triển khai và hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không hạn chế:

- Xây dựng và quyết định phương án phát hành chi tiết để đảm bảo việc phát hành cổ phiếu của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định của Pháp luật, đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho Công ty;

- Quyết định thời gian phát hành và thực hiện việc phát hành đảm bảo tối đa lợi ích cho Công ty và các cổ đông;

- Chủ động lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;

- Sửa đổi điều khoản quy định về mức vốn điều lệ và tình hình sở hữu cổ phần của các cổ đông trong Điều lệ Công ty đúng mức vốn điều lệ tăng lên sau khi kết thúc phát hành;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;

- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Chủ động tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc phát hành theo Phương án đã được phê duyệt đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận

- ĐHĐCĐ
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu: VP.



Nguyễn Đức Khả

Số: 04.../2022/TT-ĐHĐCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 24... tháng 01... năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021
và kế hoạch thù lao năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn

Nagakawa.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 24/04/2021 của Đại hội đồng

đồng thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt việc chi trả thù lao năm 2021 và kế hoạch thù lao năm 2022 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

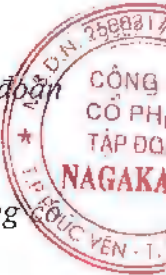
1. Thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 24 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa phê duyệt mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm tài chính 2021 như sau:

- Thù lao của Hội đồng quản trị : Không quá 2% lợi nhuận trước thuế năm 2021
- Thù lao của Ban kiểm soát: Không quá 0.5% lợi nhuận trước thuế năm 2021

Căn cứ vào kết quả Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021: Doanh thu: là 1.474.911.391.638 đồng; Lợi nhuận trước thuế là 22.724.250.984 đồng và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quỹ thù lao thực hiện năm 2021 là 514.485.020 đồng, cụ thể:

- Quỹ thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021 là 454.485.020 đồng, trong đó:
 - + Chủ tịch HĐQT : 0,68 % lợi nhuận trước thuế năm 2021
 - + Phó chủ tịch HĐQT : 0,53 % lợi nhuận trước thuế năm 2021
 - + Các thành viên HĐQT: 0,26 % lợi nhuận trước thuế năm 2021



- Quỹ thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 là 60.000.000 đồng, trong đó:
 - + Trưởng Ban kiểm soát: 0,13 % lợi nhuận trước thuế năm 2021
 - + Các thành viên Ban kiểm soát: 0,07 % lợi nhuận trước thuế năm 2021

2. Đề xuất Quỹ thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa năm 2022 như sau:

- Quỹ thù lao HĐQT: không vượt quá 2% lợi nhuận trước thuế năm 2022, trong đó:
 - + Chủ tịch HĐQT : không vượt quá 0,6% lợi nhuận trước thuế năm 2022
 - + Phó chủ tịch HĐQT : không vượt quá 0,5% lợi nhuận trước thuế năm 2022
 - + Các thành viên HĐQT: không vượt quá 0,3% lợi nhuận trước thuế năm 2022
- Quỹ thù lao BKS: không vượt quá 0,5% lợi nhuận trước thuế năm 2022, trong đó:
 - + Trưởng Ban kiểm soát: không vượt quá 0,25% lợi nhuận trước thuế năm 2022
 - + Các thành viên Ban kiểm soát: không vượt quá 0,125% lợi nhuận trước thuế năm 2022

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Khả



Số: 02/2022/TTr-ĐHĐCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch về chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa,

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.500.000.000.000	1.474.911.391.638	98,33%
2	Doanh thu thuần	1.425.000.000.000	1.404.424.090.024	98,56%
3	Lợi nhuận sau thuế	15.000.000.000	15.440.626.818	102,94%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,10%	1,10%	100,00%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,60%	7,00%	106,06%
6	Tỷ lệ cổ tức (*)	5%	6%	120,00%



(*) Cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu. Tỷ lệ cổ tức được tính căn cứ trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại ngày 12/01/2022.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty, HĐQT xin đưa ra các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (số liệu hợp nhất) như sau:

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.800.000.000.000	22%
2	Doanh thu thuần	1.746.000.000.000	24%
3	Lợi nhuận sau thuế	25.000.000.000	62%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,4%	30%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	7,7%	10%
6	Tỷ lệ cổ tức	Từ 05% - 10%	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Khả

Số 05./2022/TT-HĐQT

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Phê duyệt phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu vốn của Công ty.

Nhằm mục đích tăng cường năng lực sản xuất, phát huy tối đa nguồn lực và đảm bảo hỗ trợ triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa, Hội đồng Quản trị (sau đây gọi là “HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi là “ĐHĐCĐ”) Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa xem xét và thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ cụ thể như sau:

I. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa
2. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa
3. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Vốn điều lệ hiện tại : 166.826.240.000 đồng
6. Cổ phiếu quỹ : 02 cổ phiếu
7. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 16.682.622 cổ phiếu

8. Số lượng cổ phiếu dự : 16.682.622 cổ phiếu.
kiến chào bán
9. Tổng giá trị chào bán : 166.826.220.000 đồng.
(tính theo mệnh giá)
10. Vốn điều lệ dự kiến : 333.652.460.000 đồng.
sau đợt chào bán
11. Đối tượng của đợt : cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu
chào bán chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực
hiện phát hành do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt
Nam (VSD) cung cấp.
12. Phương thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu.
13. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
14. Tỷ lệ chào bán : 1:1 (Theo đó, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại ngày chốt
danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được quyền mua
1 cổ phiếu phát hành thêm).
15. Đáp ứng quy định về : ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm
tỷ lệ sở hữu của nước bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở
ngoài hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.
16. Nguyên tắc xác định : **Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu của Công ty Nagakawa
giá chào bán (Book Value - sau đây gọi là BV):**
BV = Tổng Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng số lượng cổ
phiếu đang lưu hành
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020:
 $BV = 212.876.544.766 / 15.888.634 = 13.398$ đồng/cp.
(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020
của CTCP Tập đoàn Nagakawa).
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021:
 $BV = 228.908.184.154 / 16.682.622 = 13.721$ đồng/cp.
(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021
của CTCP Tập đoàn Nagakawa).
Dựa trên giá trị sổ sách cổ phiếu và nhu cầu vốn của
Nagakawa, đồng thời để đảm bảo đợt chào bán thành
công, HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ mức giá chào bán cổ
phiếu là **10.000 đồng/cổ phiếu**.
17. Hạn chế chuyển : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế
nhượng chuyển nhượng (trừ số cổ phiếu không chào bán hết được
phân phối tiếp như quy định tại Mục 19).

18. Phương thức phân phối : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
19. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết : Giao HĐQT toàn quyền quyết định phân phối số cổ phiếu không được các cổ đông đăng ký mua/từ chối quyền ưu tiên mua với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành (nếu có).
20. Chào mua công khai : Đồng ý cho nhà đầu tư (được HĐQT) lựa chọn khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai kể cả trong các trường hợp sau:
+ Khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 (cá nhân, tổ chức và người có liên quan dự kiến mua cổ phiếu dẫn đến tỷ lệ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp sau khi mua cổ phần từ 25% cổ phiếu đang lưu hành của công ty đại chúng hoặc nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% cổ phiếu có quyền biểu quyết mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng).
+ Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.
21. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người/tổ chức khác, bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
22. Thời gian thực hiện dự kiến : Dự kiến trong năm 2022 và sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. ĐHĐCĐ giao HĐQT lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện phù hợp.

23. Đăng ký lưu ký và : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại
niêm yết bổ sung Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ
sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy
định của pháp luật.

24. Phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán:

- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là **166.826.220.000 đồng**. Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Công ty dự kiến dùng toàn bộ số tiền thu được để mua các sản phẩm Công ty đang kinh doanh từ các nhà cung cấp. Chi tiết hạng mục vốn lưu động bổ sung bao gồm:

STT	Hạng mục sử dụng tiền	Giá trị (đồng)
1	Nhóm sản phẩm điều hòa	115.000.000.000
	+ Điều hòa treo tường	92.700.000.000
	+ Điều hòa casset	8.300.000.000
	+ Điều hòa tủ và trung tâm	14.000.000.000
2	Nhóm sản phẩm gia dụng	25.826.220.000
	+ Nồi cơm điện, nồi inox	10.000.000.000
	+ Ấm siêu tốc, bình thủy	5.000.000.000
	+ Bếp nướng, bếp từ	5.000.000.000
	+ Máy xay sinh tố	5.826.220.000
3	Nhóm sản phẩm thiết bị nhà bếp	26.000.000.000
	+ Máy rửa bát	3.000.000.000
	+ Máy hút mùi	5.000.000.000
	+ Bếp từ	18.000.000.000
	Tổng cộng	166.826.220.000

- Nguồn vốn phân bổ nêu trên có thể được luân chuyển linh động trong các nhóm sản phẩm nêu trên của Công ty để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ.

- Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, ĐHĐCD giao HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan.

25. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:

Tỷ lệ chào bán thành công của đợt chào bán dự kiến là 100%, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là **166.826.220.000 đồng**. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo dự kiến, Hội đồng Quản trị chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật.

26. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành

Việc chào bán cổ phiếu mới ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho Công ty sẽ làm pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu và pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu (nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua).

- **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):** Sau khi hoàn thành đợt chào bán (dự kiến vào 6 tháng cuối năm 2022), thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận đáng kể trong năm 2022. Rủi ro từ việc EPS bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.
- **Pha loãng giá trị sổ sách:** Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi phụ thuộc vào tốc độ tăng của giá trị nguồn vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty.
- **Về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết:** Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị không bị giảm xuống sau đợt chào bán (trừ trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

II. Nội dung ủy quyền cho hội đồng quản trị:

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc sau đây:

1. Quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) nhằm triển khai phương án phát hành cổ phiếu được hiệu quả cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan, điều lệ và đảm bảo quyền lợi cổ đông Công ty;
2. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
3. Quyết định chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, thời điểm và tiến độ phát hành cổ phiếu, thời điểm lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu, bảo đảm lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
4. Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành tăng vốn: Thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty.

5. Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu không chào bán hết cho các tổ chức/cá nhân khác (bao gồm cả trường hợp phân phối tại Khoản 3, Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
6. Lựa chọn và ký Hợp đồng với đơn vị bảo lãnh phát hành. Lựa chọn phương thức bảo lãnh phát hành và tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành cổ phiếu của đợt phát hành theo đúng quy định pháp luật (nếu cần);
7. Phê chuẩn các (dự thảo) hợp đồng, tài liệu, giao dịch khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, việc thực hiện phương án sử dụng vốn nêu tại Mục 24 Phần I của Tờ trình này, bao gồm các giao dịch, hợp đồng giữa Công ty và Bên có liên quan theo Điều 167 - Luật Doanh nghiệp 2020 (nếu có);
8. Toàn quyền quyết định việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành, lựa chọn phương án triển khai, thời điểm giải ngân phù hợp với kế hoạch của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty;
9. Xây dựng hồ sơ và các tài liệu cần thiết để thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu Công ty tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HNX theo quy định pháp luật.
10. Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà HĐQT thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành và phương án sử dụng vốn sau khi phát hành mà đã được ĐHĐCĐ thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Khả



Số: 07/2022/TTr-DHĐCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

- Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.
- Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.
- Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

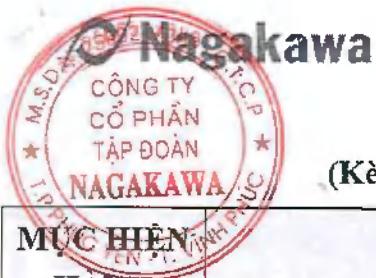
Nơi nhận:

- DHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Khả



PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Tờ trình số: *07*/2022/TTr-ĐHĐCĐ, về việc: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty)

MỤC HIỆN HẠNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
Điểm e Khoản 1 Điều 1	<i>"Cán bộ quản lý"</i> là Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc; Người điều hành doanh nghiệp khác, gồm: Giám đốc Điều hành; và Các chức danh quản lý khác (là người có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty) theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm.	Điểm e Khoản 1 Điều 1	<i>"Người quản lý doanh nghiệp" hoặc "người quản lý"</i> là Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc; Người điều hành doanh nghiệp khác, gồm: Giám đốc Điều hành; và Các chức danh quản lý khác (là người có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty) theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm.	Cập nhật thuật ngữ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020
	<Không có nội dung>	Điểm k Khoản 1 Điều 1	<i>"Người có quan hệ gia đình"</i> bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	Cập nhật thuật ngữ theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 4 Điều 2	Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Khoản 4 Khoản 5 Điều 2	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật <i>duy nhất</i> của Công ty. 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật <ul style="list-style-type: none"> • <i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải</i> 	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p><i>quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;</i> - <i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i> - <i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về Công ty mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.</i> - <i>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho</i> 	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p><i>Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.</i></p> <p><i>- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</i></p>	
Khoản 1 Điều 3	<i>Lĩnh vực kinh doanh của Công ty</i>	Khoản 1 Điều 3	<p><i>Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</i></p> <p><i><Kèm theo bảng ngành, nghề kinh doanh cùng mã ngành, nghề của Công ty></i></p>	Cập nhật theo Điều 24 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 1 Điều 5	<p>Vốn điều lệ của Công ty là 158.886.360.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi tám tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.888.636 cổ phần (bằng chữ: Mười lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi sáu) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng trên một cổ phần).</p>	Khoản 1 Điều 5	<p>Vốn điều lệ của Công ty là 166.826.240.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 16.682.624 cổ phần (Bằng chữ: Mười sáu triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi bốn) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng trên một cổ phần).</p>	Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 11/11/2021
Khoản 6 Điều 5	Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ	Khoản 6 Điều 5	Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác <i>hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</i></p>		<p>(tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác</p>	
Khoản 7 Điều 5	<p>Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <i>Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</i></p>	Khoản 7 Điều 5	<p>Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
Khoản 2 Điều 6	Mọi sự chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng và các giao dịch khác liên quan đến cổ phần và việc sở hữu cổ phần phải thông qua thủ tục chuyển nhượng tại Công ty và phải được đại diện theo Pháp luật của Công ty hoặc đại diện được ủy quyền của người đó xác nhận. Những thay đổi đó cũng sẽ được ghi nhận tương ứng tại Sổ chứng nhận Cổ đông.	Khoản 2 Điều 6	<Loại bỏ nội dung này>	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Khoản 2 Điều 7	Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ, bảo quản và sử dụng tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán . Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán .	Khoản 2 Điều 7	Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ, bảo quản và sử dụng tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam . Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam .	Cập nhật theo Luật Chứng khoán 2019
Khoản 2 Điều 8	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	Khoản 2 Điều 8	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng, hưởng cổ tức và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
Điều 9	Điều 9. Thu hồi cổ phần	Điều 9	Điều 9. Thu hồi cổ phần (<i>đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp</i>)	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Khoản 3 Điều 11	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 36 của Điều lệ này.	Khoản 3 Điều 11	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 36 của Điều lệ này.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp
Khoản 6 Điều 11	Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty <i>trong thời hạn sớm nhất</i> .	Khoản 6 Điều 11	Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty <i>trong thời hạn 03 ngày kể từ khi phát sinh sự thay đổi</i> trừ trường hợp Công ty và Pháp luật có quy định khác.	Do “thời hạn sớm nhất” không thể xác định được và có thể phát sinh
Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 12	a. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hay gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Tổ chức/Cá nhân trở thành/không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng	Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 12	a. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hay gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Tổ chức/Cá nhân trở thành/không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công	Cập nhật theo Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn.</p> <p>b. Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>i. Tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân.</p> <p>ii. Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.</p> <p>c. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao</p>		<p>ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết <i>theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC</i> trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn.</p> <p>b. Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết <i>theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC</i>.</p> <p>c. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC DỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.			
Khoản 1 Điều 13	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Khoản 1 Điều 13	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	Bổ sung theo thông tư 116/2020/TT-BTC
Khoản 2 Điều 13	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. <i>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</i> Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Khoản 2 Điều 13	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</i>	Bổ sung theo thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.5 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng</p>		<p><i>thường niên của Công ty.</i> Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p><i>d. Khi số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</i></p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.5 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều</p>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		<p>bản đề có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>f. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p>Điểm a, f Khoản 3 Điều 13</p>	<p>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.</p>		<p>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Khoản 3c, 3d Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3e và 3f Điều 13.</p> <p>f. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp và Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Khoản 2 Điều 14</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh</p>	<p>Khoản 2 Điều 14</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các</p>	<p>Cập nhật theo Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp</p>

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. <i>Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</i></p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt</p>		<p>quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Quyết định Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p>	<p>và Điều 34 Điều lệ</p>

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 167.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>		<p>k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>l. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 167.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p>	
Điểm d Khoản 2 Điều 15	Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	Điểm d Khoản 2 Điều 15	Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	Cập nhật theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp
Khoản 1 Điều 16	Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được	Khoản 1 Điều 16	Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên	Cập nhật theo Thông tư

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC DỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p><i>chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</i></p>		<p><i>của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i></p>	116/2020/TT-BTC
<p>Điểm a Khoản 2 Điều 17</p>	<p>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.</p>	<p>Điểm a Khoản 2 Điều 17</p>	<p>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	<p>Bổ sung Khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
<p>Khoản 4 Điều 17</p>	<p>Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận</p>	<p>Khoản 4 Điều 17</p>	<p>Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p>	<p>Cập nhật theo thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p>b. <i>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p>c. <i>Phiếu biểu quyết;</i></p> <p>d. <i>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></p>	
<p>Điểm a Khoản 3 Điều 19</p>	<p><i>Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</i></p>	<p>Khoản 4 Điều 19</p>	<p><i>Việc bầu chủ tọa, thư ký được quy định như sau:</i></p> <p>a. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i></p> <p>b. <i>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i></p>	<p>Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<i>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</i>	
	<Không có nội dung này>	Khoản 8 Điều 19	<i>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp và Nghị định 1215/2020/NĐ-CP
Khoản 1 Điều 21	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14.1 và Điều 14.2 của Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.	Khoản 1 Điều 21	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 của Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.</i>	Cập nhật để tuân thủ Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 19 Điều lệ.
Khoản 2 Điều 21	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường	Khoản 2 Điều 21	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công	Cập nhật theo Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	trú của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.		bỏ tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	
Điểm f, g Khoản 3 Điều 21	<p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời. Trong trường hợp cổ đông không gửi Phiếu biểu quyết về Công ty trước thời hạn nói trên thì được coi là đồng ý với tất cả các nội dung xin ý kiến biểu quyết mà Công ty đưa ra;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	Điểm f Khoản 3 Điều 21	<p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.</p>	Cập nhật theo Khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Điều 22	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22	Nghị quyết , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật Thông tư: 116/2020/TT-BTC
Khoản 3 Điều 22	Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Khoản 4 Điều 22	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị	Cập nhật Thông tư: 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<i>trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i>	
Điều 23	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 	Điều 23	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;</i> 2. <i>Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</i> 	Cập nhật theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp
Khoản 1 Điều 24	<ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường 	Khoản 1 Điều 24	<ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; 	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>niên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>b. <i>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</i></p> <p>c. <i>Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) Công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.</i></p>		<p>thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>b. <i>Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</i></p> <p>c. <i>Đảm bảo Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</i></p> <p>2. <i>Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể như sau:</i></p> <p>a. <i>Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;</i></p> <p>b. <i>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.</i></p> <p>c. <i>Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</i></p> <p>d. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc/giám đốc.</i></p> <p>e. <i>Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.</i></p>	<p>116/2020/TT-BTC</p>

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC DỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty; d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ. 	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p><i>f. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</i></p> <p><i>4. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</i></p>	
Điểm i Khoản 3 Điều 24	Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ có quyền đề cử, số còn lại do HĐQT/BKS đề cử.	Điểm i Khoản 7 Điều 24	Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ có quyền đề cử, số còn lại do HĐQT và cổ đông khác đề cử.	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Khoản 6 Điều 24	Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.		<Loại bỏ nội dung này>	Loại bỏ để phù hợp với Điều 160 Luật Doanh nghiệp
	<Không có nội dung này>	Khoản 6 Điều 24	Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p>của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có 	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
			<i>liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</i>	
Khoản 6 Điều 24	Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) thành viên.	Khoản 7 Điều 24	<p>Các cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) thành viên. b. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) thành viên; c. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; d. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; e. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; f. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; 	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p>g. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;</p> <p>h. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần được đề cử 08 (tám) ứng cử viên.</p> <p>i. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ có quyền đề cử, số còn lại do HĐQT và cổ đông khác đề cử.</p>	
	<Không có nội dung này>	Điểm l, m Khoản 3 Điều 25	<p>l. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>m. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BYC
Điều 30	<p>Điều 30. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ</p>	Điều 30	<p>Điều 30. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Điều hành và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p>	Cập nhật theo Điều 34 Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p><i>cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự sẵn sàng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</i></p> <p>2. <i>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của những người điều hành doanh nghiệp khác sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc; trường hợp chưa tổ chức được việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị, những vấn đề này thực hiện theo quyết định của Tổng Giám Đốc và phải được trình Hội đồng quản trị phê chuẩn trong cuộc họp gần nhất. Thông tin về mức lương của người điều hành doanh nghiệp khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công ty.</i></p>		<p>2. <i>Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</i></p> <p>3. <i>Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</i></p> <p>4. <i>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</i></p>	
Khoản 2 Điều 32	<p>1. Vai trò và nhiệm vụ của <i>Thư ký Công ty</i> bao gồm:</p> <p>a. <i>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ</i></p>	Khoản 2 Điều 32	<p>2. Vai trò và nhiệm vụ của <i>người phụ trách quản trị</i> bao gồm:</p> <p>g. <i>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</i></p>	Sửa lại tên thuật ngữ cho phù hợp

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>đồng theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Làm biên bản các cuộc họp;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. <i>Thu ký công ty có trách nhiệm</i> bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		<p>h. Làm biên bản các cuộc họp;</p> <p>i. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>j. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>k. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
Điều 34	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ</p>	Điều 34	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên</p>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp và thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những</p>		<p>quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những</p>		<p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông</p>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của</p>		<p>thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.			
Khoản 1, 2 Điều 36	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. <i>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Các thành viên Ban kiểm soát Công ty phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</i></p> <p>2. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; 	Khoản 1, 2, 3 Điều 36	<ol style="list-style-type: none"> <i>Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</i> <i>Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</i> <ol style="list-style-type: none"> <i>Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;</i> <i>Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;</i> <i>Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</i> <i>Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</i> <i>Không thuộc các trường hợp sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</i> 	Cập nhật theo Điều 168, 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>		<p>- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
Khoản 4 Điều 36	Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) thành viên.	Khoản 4 Điều 36	<p><i>Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.</i></p> <p><i>a. Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên.</i></p> <p><i>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) thành viên;</i></p> <p><i>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần được đề cử ba (03) thành viên;</i></p> <p><i>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần được đề cử bốn (04) thành viên;</i></p> <p><i>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% tổng số cổ phần trở lên được đề cử tối đa năm (05) thành viên.</i></p>	Cập nhật theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp
Khoản 5 Điều 38	Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.	Khoản 5 Điều 38	Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty	Điều lệ với số lượng tối đa 10 bộ gốc nên sẽ cung cấp bản sao Điều lệ cho Cổ đông có yêu cầu.

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
Điều 46	<ol style="list-style-type: none"> Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của Pháp luật và báo cáo này phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính. Báo cáo kế toán hàng năm sẽ được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính. 	Điều 46	<ol style="list-style-type: none"> Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>3. Trong trường hợp Pháp luật có quy định, Công ty sẽ lập các báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý.</p> <p>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.</p>			
Điều 47	<p>Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</p> <p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác sẽ được công bố theo quy định của Pháp luật có liên quan.</p>	Điều 47	<p>Điều 47. Báo cáo thường niên</p> <p><i>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p>	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 51	<p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được</p>	Điều 51	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;</p>	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</p> <p>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>		<p>2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải.</p> <p>3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	
Điểm d Khoản 3 Điều 53	<i>d. Các khoản vay (nếu có);</i>		<Loại bỏ nội dung này>	Do Điều lệ đã quy định điểm d và e Khoản 3 Điều 53 có cùng bản chất, đồng thời sửa đổi lại để phù hợp với Luật Doanh nghiệp

Số: 08./2022/TTr-DHĐCD

Vĩnh Phúc, ngày 20.. tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

- Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa đồng thời với mục tiêu xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi một số điều khoản trong Quy chế của Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Quy chế của Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.
- Ngoài các sửa đổi tại Phụ lục, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới cũng có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, câu từ, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Quy chế (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa). Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số Điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Quy chế mới cũng được thay đổi tương ứng.

Hội đồng quản trị kính trình DHĐCD xem xét, thông qua vấn đề như sau:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ của quản trị Công ty với các nội dung được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.
- Giao HĐQT ban hành toàn văn Quy chế mới theo nội dung đã được DHĐCD thông qua và đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

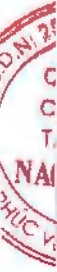
- DHĐCD;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP.



Nguyễn Đức Khả

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH <i>(Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây: + Tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân. + Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành. <p>Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.</p> <p>Quy định trên đây cũng áp dụng đối với Người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p>	<p>sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định trên đây cũng áp dụng đối với Người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. 	
Khoản 3 Điều 6	<p>Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu đề biểu 	<p>Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu đề biểu quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, 	<p>Cập nhật theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp</p>

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH (Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.</p> <p>b. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công ty; - Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. 	<p>sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.</p> <p>b. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp; - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 	
Khoản I Điều 8	<p>Công ty công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</p>	<p>Công ty công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông kết thúc theo quy định pháp luật.</p>	<p>Loại bỏ để phù hợp trong trường hợp chuyển niêm yết cổ phiếu từ HNX sang HOSE</p>
Điều 9	<p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p>	<p>1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty; b. Báo cáo tài chính; 	<p>Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>



ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH (Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị; 3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; 4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành; 5. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý; 6. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai. 	<ol style="list-style-type: none"> c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty; d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát. 2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này. 	
Điều 10	<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoạt động của Ban kiểm soát; 2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; 3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty; 	<p>Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát. 	<p>Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH <i>(Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
	<p>4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, và các cán bộ quản lý;</p> <p>5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, và cổ đông.</p>	<p>3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.</p> <p>5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.</p> <p>8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p>	

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH (Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
Khoản 3 Điều 11	<p>Các cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa 01 (một) thành viên;</p> <p>Cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) thành viên;</p> <p>Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;</p> <p>Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;</p> <p>Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;</p> <p>Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;</p> <p>Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;</p> <p>Từ 80% đến dưới 90% được đề cử 08 (tám) ứng cử viên.</p>	<p>Các cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) thành viên; b. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) thành viên; c. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 03 (ba) thành viên; d. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 04 (bốn) thành viên; e. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 05 (năm) thành viên; f. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 06 (sáu) thành viên; 	<p>Cập nhật để phù hợp với Điều lệ</p>

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH (Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
		<p>g. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 07 (bảy) thành viên;</p> <p>h. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 08 (tám) thành viên;</p>	
<p>Khoản 2 Điều 13</p>	<p>Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. Có năng lực kinh doanh, năng lực lãnh đạo và tổ chức quản lý doanh nghiệp, hiểu biết sâu sắc về các nguyên lý kinh doanh, có nhiều năm công tác trong ngành nghề SXKD của Công ty, đã từng tham gia quản lý doanh nghiệp;</p> <p>b. Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có năng lực hành vi dân sự, hiểu biết về pháp luật; có năng lực và nhiệt tình để giải quyết những vấn đề chiến lược dài hạn của công ty; khả năng tham gia một cách hiệu quả trong các buổi thảo luận và sẵn sàng thực hiện quyền hạn trên tinh thần hợp tác.</p> <p>c. Không kiêm nhiệm quá ba (03) chức vụ quản lý tại các tổ chức kinh tế khác, ngoại trừ các</p>	<p><i>Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Các tiêu chí này không đầy đủ và còn chính xác nữa. Đề xuất dẫn chiếu tiêu chuẩn tại Điều lệ công ty</p>

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH <i>(Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
	tổ chức kinh tế liên doanh, liên kết với Công ty.		
Điều 14	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị (Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống). Số lượng thành viên Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty là 05 người.</p> <p>2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.</p>	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người</p> <ol style="list-style-type: none"> Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Đảm bảo Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên. 	<p>Hiện nay thông tư số 21/2012/TT-BTC đã hết hạn nên quy định về việc làm tròn xuống này đã không còn hiệu lực.</p> <p>Những nội dung này đã cập nhật theo Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
Khoản 2 Điều 16	<p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p>	<p><i>Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của mình, kiểm soát việc quản lý điều hành Công ty theo cơ chế được đề cập trong Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.</i></p>	<p>Cập nhật theo Điều 25 Điều lệ sửa đổi</p>

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH (Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
Điểm I Khoản 3 Điều 16	Sửa đổi điều 5 về Vốn điều lệ của Công ty tại Điều lệ Công ty theo phần vốn thực góp tăng thêm sau mỗi đợt phát hành tăng vốn của Công ty.	<Loại bỏ nội dung này>	Loại bỏ do việc sửa đổi Điều lệ thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
Khoản 2 Điều 17	Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	<Loại bỏ nội dung này>	Loại bỏ để phù hợp với Điều 160 Luật Doanh nghiệp
Khoản 2 Điều 18	<p>Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.</p>	<p>Thông qua các quyết định của HĐQT:</p> <p>a. Biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi thành viên HĐQT hoặc người thanh thế thành viên HĐQT, và các người được ủy quyền tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết. - HĐQT sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì Chủ tịch HĐQT sẽ có một lá phiếu quyết định. <p>b. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản</p>	Cập nhật theo Điều 28 Điều lệ

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH (Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
		<p>trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>c. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
Điểm e Khoản 3 Điều 19	<p>Vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p>	<p>Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p>	<p>Cập nhật theo Khoản 3 Điều 31 Điều lệ</p>
Khoản 1 Điều 23	<p>Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị khác đảm nhận các lĩnh vực công việc do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và báo cáo với Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị khác đảm nhận các lĩnh vực công việc do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và báo cáo với Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời kiêm nhiệm các chức danh điều hành</p>	<p>Bổ sung nội dung này đối với trường hợp thành viên HĐQT không điều hành</p>

ĐIỀU	HIỆN TRẠNG	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HIỆU CHỈNH (Phần đề xuất sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	có thể đồng thời kiêm nhiệm các chức danh điều hành sản xuất kinh doanh khác	sản xuất kinh doanh khác, <i>trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</i>	
Khoản 4 Điều 27	Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.	<Loại bỏ nội dung này>	Do lập ý với Khoản 3 Điều 27 Quy chế này
Điểm f, h Điều 28	<p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Người quản lý doanh nghiệp;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Người quản lý doanh nghiệp.</p>	Không có ban quản lý công ty, đề xuất sửa đổi để thống nhất với Điều lệ

Số...09/2022/TT-ĐHĐCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 116/2020/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/02/2021 trong đó hướng dẫn Công ty đại chúng tham chiếu mẫu Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để ban hành điều lệ và quy chế của đơn vị mình.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt các Quy chế sau:

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

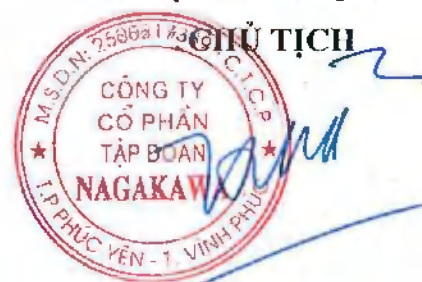
(Chi tiết dự thảo Quy chế được thể hiện trong văn bản kèm theo Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Khả



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Phúc Thắng – Phúc Yên - Vĩnh Phúc

Điện thoại: (84-211) 3 873 568

Fax: (84-211) 354 8020

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 01.. năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	7
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	7
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	7
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	10
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	14
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	15
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	15
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	16
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	17
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	18
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	19
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	19
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	20
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	21
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.....	21
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	22
Điều 23. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 24. Ngày hiệu lực.....	22



CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể như sau:
 - a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
 - d. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc/giám đốc.
 - e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
 - f. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế nếu thuộc các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
 - a. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa 01 (một) thành viên.
 - b. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) thành viên;
 - c. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - d. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - e. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - f. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - g. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;

- h. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần được đề cử 08 (tám) ứng cử viên.
- i. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ có quyền đề cử, số còn lại do HĐQT và cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;



- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị không quá 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị không quá 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;



- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

- 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
 - e. Trường hợp khác theo quy định pháp luật
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được HĐQT đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thông qua.

Điều 24. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 7 chương 24 điều, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngàyvà Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký quyết định ban hành Quy chế.
2. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành có liên quan của Pháp luật và các quy chế có liên quan khác.
3. Trong quá trình thực hiện, Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung của Quy chế cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Khả





Nagakawa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Phúc Thắng – Phúc Yên - Vĩnh Phúc

Điện thoại: (84-211) 3 873 568

Fax: (84-211) 354 8020

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 01 năm 2022

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.
 - Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử hai (02) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần được đề cử ba (03) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần được đề cử bốn (04) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% tổng số cổ phần trở lên được đề cử tối đa năm (05) thành viên.
2. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
3. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
- h. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 chương, 22 điều, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.....và Trưởng ban Kiểm soát thay mặt Ban Kiểm soát ký quyết định ban hành Quy chế.
2. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành có liên quan của Pháp luật và các quy chế có liên quan khác.
3. Trong quá trình thực hiện, Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung của Quy chế cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn.

Nơi nhận:

- BKS;
- Lưu VP

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Số: 10./2022/TT-ĐHĐCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
2. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và lựa chọn một công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bán niên (nửa năm) và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Trường hợp danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận năm 2022 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các công ty trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 01/2022/TB/NAG

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v: Về việc ứng cử, đề cử nhân sự vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa ("Công ty") thay đổi lần thứ 8 ngày 24/04/2021;

Để hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tuân thủ theo đúng Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị ("HDQT"), thành viên Ban Kiểm Soát ("BKS") để bầu thành viên HDQT và thành viên BKS của Công ty như sau:

1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Công ty sẽ tổ chức bầu lại thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 để đảm bảo cơ cấu tổ chức của Công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty hiện hành.

2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Để chuẩn bị danh sách ứng cử viên bầu vào HDQT và BKS theo đúng tiêu chuẩn và số lượng được ghi trong Điều lệ Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đề nghị Quý cổ đông/nhóm cổ đông đủ điều kiện theo quy định tại Quy chế bầu cử (được gửi kèm thông báo này) thực hiện ứng cử/đề cử những ứng cử viên đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm vị trí thành viên HDQT và thành viên BKS của Công ty.

3. Chỉ những Hồ sơ ứng cử, đề cử đáp ứng đầy đủ các điều kiện ứng cử/đề cử và những ứng cử viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tương ứng của thành viên HDQT, thành viên BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức trình tại Đại Hội đồng cổ đông Công ty để tiến hành bầu cử.

4. Người ứng cử/đề cử thành viên HDQT, BKS chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác của nội dung Hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

Xin trân trọng thông báo./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- TV HDQT, BKS, BTGD;
- Lưu: VT.



QUY CHẾ BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA - NHIỆM KỲ 2022 - 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa thay đổi lần thứ 8 ngày 24/04/2021;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa thay đổi lần thứ 3 ngày 24/04/2021;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa công bố Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2022 - 2026 như sau:

ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Quy chế này quy định tiêu chuẩn, điều kiện để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; số lượng, cách thức bầu cử, ứng cử, đề cử người làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cách tính kết quả kiểm phiếu bầu cử.
2. Cổ đông, hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và các bên được quyền tham gia họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Quy chế này.

ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC BẦU CỬ

1. Bầu cử đúng luật, đúng điều lệ hiện hành của Công ty, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.
2. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.
3. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết. Quyền bầu cử, kết quả bầu cử, biểu quyết tính theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

ĐIỀU 3. SỐ LƯỢNG – TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới cần bầu: 05 thành viên, trong đó đảm bảo:
 - Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành;
 - Tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản

trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

(Lưu ý: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành)

2. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình¹ của Tổng giám đốc/giám đốc.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu có).

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố dè, bố nuôi, mẹ dè, mẹ nuôi, con dè, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

ĐIỀU 4. ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

a. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa 01 (một) thành viên.

¹ Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố dè, mẹ dè, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con dè, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

- b. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) thành viên;
 - c. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - d. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - e. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - f. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - g. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;
 - h. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 08 (tám) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ có quyền đề cử, số còn lại do HĐQT và cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 5. SỐ LƯỢNG – TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người
2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.
3. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty

ĐIỀU 6. ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

- Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử hai (02) thành viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (03) thành viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử bốn (04) thành viên
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa năm (05) thành viên.

ĐIỀU 7. HỒ SƠ THAM GIA ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN ĐỂ BẦU VÀO HĐQT VÀ BKS

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:
 - Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu). Lưu ý: Nội dung bản đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông đề cử và người được đề cử.
 - Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
 - Bản sao Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
 - Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
 - Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông/ nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 6 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày 12/01/2022 - ngày chốt Danh sách cổ đông hợp ĐHCĐ thường niên 2022 của Công ty CP Tập đoàn Nagakawa).
2. Thời hạn và địa chỉ gửi giấy ủy quyền và hồ sơ đề cử.
 - Hồ sơ đề cử phải được lập bằng văn bản và gửi đến Ban tổ chức trước ngày 25/01/2022 theo địa chỉ sau:
 - + Địa chỉ: Ban Quan hệ cổ đông - Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa
 - + Tầng 2, số 96A, Định Công, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội.
 - + Điện thoại: 024.32151335 – Ext 138 – Email: banquanhecodong@nagakawa.com.vn.
 - Hồ sơ đề cử gửi về Công ty sau thời hạn này sẽ không có giá trị.

ĐIỀU 8. PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT/BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho tối đa số lượng ứng viên trên tổng số ứng cử viên được đề cử của HĐQT/BKS.

Vi dụ:

- Cổ đông sở hữu 1000 cổ phần của CT CP Tập đoàn Nagakawa, ĐHĐCĐ sẽ bỏ phiếu để bầu ra 05 thành viên HĐQT;
- Cổ đông sẽ có: $1000 (CP) \times 05 (TVHĐQT \text{ được bầu}) = 5000 \text{ phiếu bầu}$;
- Cổ đông có thể dồn hết 5000 phiếu bầu của mình cho 01 ứng cử viên hoặc chia 5000 phiếu bầu cho các ứng cử viên (nhưng số ứng cử viên được chia phiếu bầu phải nhỏ hơn hoặc bằng 5) sao cho tổng số phiếu bầu bằng hoặc nhỏ hơn 5000.

ĐIỀU 9. NGUYÊN TẮC TRÚNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT/BKS

1. Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.
2. Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, việc bầu lại vẫn được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.
3. Trường hợp bầu lại theo quy định tại Mục 2 Điều 9 vẫn chưa xác định được ứng viên có số phiếu bầu cao hơn thì việc bầu lần nữa hay không sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ

1. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty CP Tập đoàn Nagakawa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Quy chế này chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2022 – 2026 tại Đại hội đồng thường niên của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Khả

Số: M./2022/TTr-ĐHĐCD

Vĩnh Phúc, ngày 28... tháng 01... năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
(V/v Thông qua nhân sự thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
nhiệm kỳ 2022 - 2027)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Nhiệm kỳ 2017 – 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa đã kết thúc, căn cứ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị - Công ty CP Tập đoàn Nagakawa đã thông báo đến quý vị cổ đông về tiêu chuẩn điều kiện, thủ tục, thời gian đề cử/ứng cử vào HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Căn cứ Đơn ứng cử/ đề cử của cổ đông về việc ứng cử/ đề cử thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị đã họp để thảo luận và thông qua danh sách các ứng viên đề cử vào HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027, cụ thể như sau:

I. Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ
1	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	13/10/1983	Thạc sỹ	Đông Đa – Hà Nội
2	Bà Trương Đào Hải Hà	12/10/1981	Thạc sỹ	Hoàng Mai – Hà Nội
3	Ông Đoàn Đức Hòa	09/11/1978	Thạc sỹ	Hà Đông – Hà Nội
4	Ông Nguyễn Ngọc Quý	22/02/1978	Cử nhân	Hoàng Mai – Hà Nội
5	Ông Phạm Anh Tuấn	27/05/1977	Cử nhân	Hoàng Mai – Hà Nội

(Đính kèm sơ yếu lý lịch của các thành viên được đề cử bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027).



II. Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	10/08/1977	Cử nhân	Hai Bà Trưng – Hà Nội
2	Bà Phạm Thị Huệ Anh	24/05/1980	Thạc sỹ	Thanh Trì – Hà Nội
3	Bà Vũ Hải Yến	13/11/1983	Thạc sỹ	Võ Cường – Bắc Ninh

(Đính kèm sơ yếu lý lịch của các thành viên được đề cử để bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Khả



Số: 12/2022/TTr-DHĐCD

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu và chi phí với các bên có liên quan)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa,

Theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp như sau:

“3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
- Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.”

Vì vậy, nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản trị và điều hành hoạt động, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) ủy quyền cho HĐQT quyết định các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với các bên có liên quan sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa	Công ty con
2	Công ty cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	Công ty con
3	Công ty cổ phần Nagakawa Hồ Chí Minh	Công ty con



4	Công ty cổ phần Điện tử Nagakawa	Công ty con
5	Công ty cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Công ty con
6	Công ty cổ phần May KLV Việt Nam	Công ty liên kết
7	Công ty CP đầu tư và dịch vụ thương mại TTC	Công ty liên quan của người nội bộ
8	Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	Công ty liên quan của người nội bộ

HĐQT có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nêu trên (nếu phát sinh) trước ĐHĐCĐ tại phiên họp gần nhất.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Khả





Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2022

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

(Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2026)

Hôm nay, vào lúc 08h00' ngày 12/02/2022 tại Khách sạn PullMan, số 40 Cát Linh, Phường Giảng Võ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa đã tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với:

- Tổng số cổ đông tham dự: 36 cổ đông, chiếm: 68,4% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tham dự trực tiếp: 27 cổ đông
- Tham dự thông qua ủy quyền: 09 cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa và các quy định của Pháp luật, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần tập đoàn Nagakawa với thành phần tham dự như trên là hợp lệ.

Ban kiểm phiếu bầu cử gồm có các ông/bà có tên sau:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Bà Lê Thị Vinh | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Mai Quỳnh | - Ủy viên |
| - Bà Dương Thu Hồng | - Ủy viên |

Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm tra phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa trên cơ sở phiếu bầu của các cổ đông hiện diện hoặc được ủy quyền hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Nội dung cụ thể như sau:

- Số cổ đông có mặt: 36 cổ đông, đại diện cho 11.410.081 cổ phần (tương ứng với 68,4% cổ phần có quyền biểu quyết).
- Tổng số phiếu phát ra: 36 phiếu
- Tổng số phiếu thu vào: 36 phiếu
- Tổng số phiếu hợp lệ: 36 phiếu
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

I. Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị gồm:

1. Nguyễn Thị Huyền Thương
2. Nguyễn Ngọc Quý
3. Trương Đào Hải Hà
4. Đoàn Đức Hòa
5. Phạm Anh Tuấn



Tại thời điểm bầu cử, số cổ đông trực tiếp hiện diện và được ủy quyền đại diện hợp lệ là 36 cổ đông, đại diện cho 11.410.081 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số phiếu thu về : 36 phiếu

Số phiếu hợp lệ : 36 phiếu

Số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu

Kết quả bầu cử với các ứng viên (xếp theo thứ tự phiếu bầu từ cao xuống thấp):

STT	Họ tên	Số phiếu được bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham dự ĐH
1	Nguyễn Thị Huyền Thương	12.731.407	112%
2	Nguyễn Ngọc Quý	10.612.739	93%
3	Trương Đào Hải Hà	10.801.027	92%
4	Đoàn Đức Hòa	12.434.869	95%
5	Phạm Anh Tuấn	10.469.228	109%

Căn cứ Quy chế bầu cử đã được công bố và kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu xin công bố ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
2. Ông Nguyễn Ngọc Quý
3. Bà Trương Đào Hải Hà
4. Ông Đoàn Đức Hòa
5. Bà Phạm Anh Tuấn

II. Danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
2. Bà Phạm Thị Huệ Anh
3. Bà Vũ Hải Yến

Tại thời điểm bầu cử, số cổ đông trực tiếp hiện diện và được ủy quyền đại diện hợp lệ là 36 cổ đông, đại diện cho 11.410.081 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số phiếu thu về : 36 phiếu

Số phiếu hợp lệ : 36 phiếu

Số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu

Kết quả bầu cử với các ứng viên (xếp theo thứ tự phiếu bầu từ cao xuống thấp):

STT	Họ tên	Số phiếu được bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham dự ĐH
1	Nguyễn Thị Thu Thảo	13.842.630	121,3%
2	Phạm Thị Huệ Anh	9.987.969	87,5%
3	Vũ Hải Yến	10.399.463	91,1%

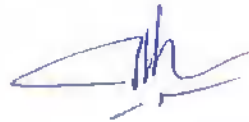
Căn cứ Quy chế bầu cử đã được công bố và kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu xin công bố ứng viên trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
2. Bà Phạm Thị Huệ Anh
3. Bà Vũ Hải Yến

Biên bản kiểm phiếu bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được lập xong lúc 13 giờ 30 phút cùng ngày và đã thông qua trước đại hội.

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng ban kiểm phiếu



Lê Thị Vinh

Thành viên



Nguyễn Thị Mai Quỳnh

Thành viên



Dương Thu Hồng



Số: 01/2022/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2022

BIÊN BẢN

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Hôm nay, ngày 12/02/2022 tại Khách sạn PullMan, số 40 Cát Linh, Phường Giảng Võ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (sau đây được gọi tắt là “**Cuộc họp ĐHĐCĐ**”) của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa (Trụ sở chính: Khu 09, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500217389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 21/03/2007) (sau đây gọi tắt là “**Nagakawa/Công ty**”).

- Thời gian họp: Bắt đầu lúc 09h00 ngày 12/02/2022
Kết thúc lúc 14h50 ngày 12/02/2022.
- Số đại biểu tham dự: 36 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho: 11.410.081 cổ phần bằng 68,4% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Nguyễn Đức Khả - Chủ tịch đoàn – Chủ tọa cuộc họp
- Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Quý - Thành viên

2. Ban Thư ký đại hội:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Trưởng ban
- Bà Đặng Vũ Hồng Minh - Thành viên

3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- Bà Nguyễn Thị Mai Quỳnh - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Mận - Thành viên
- Bà Dương Thu Hồng - Thành viên
- Bà Lê Thị Huyền - Thành viên

4. Ban bầu cử và kiểm phiếu:

- Bà Lê Thị Vinh - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Mai Quỳnh - Thành viên
- Bà Dương Thu Hồng - Thành viên

Đại hội còn có sự tham gia của Ban Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, các đại biểu đại diện Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

B. DIỄN TIẾN CUỘC HỌP

I. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG VÀ CÔNG BỐ ĐIỀU KIỆN TIÊN HÀNH ĐẠI HỘI

- Bà Nguyễn Thị Mai Quỳnh – Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Tổng số cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự: 36 cổ đông và đại diện ủy quyền, trong đó:

- Tham dự trực tiếp: 27 cổ đông
- Tham dự thông qua ủy quyền: 09 cổ đông.

Tổng số cổ phần tham dự: 11.410.081 cổ phần, chiếm 68,4% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa với thành phần và số lượng cổ phần tham dự như trên là hợp lệ.

II. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ban tổ chức đề nghị các cổ đông làm Lễ chào cờ, tuyên bố khai mạc Đại hội.

Để tiến hành Đại hội, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã nhất trí thông qua Quy chế tổ chức Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội và Danh sách Đoàn chủ tịch Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự đại hội. Cụ thể:

- **Đoàn Chủ tịch Đại hội:**

- | | |
|------------------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Đức Khả | - Chủ tịch đoàn |
| - Bà Nguyễn Thị Huyền Thương | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Ngọc Quý | - Thành viên |

ĐHĐCĐ đã thông qua Ban bầu cử và kiểm phiếu Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, bao gồm các Ông/Bà có tên sau:

- **Ban bầu cử và kiểm phiếu:**

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Bà Lê Thị Vinh | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Mai Quỳnh | - Thành viên |
| - Bà Dương Thu Hồng | - Thành viên |

Ông Nguyễn Đức Khả - Chủ tịch đoàn – chỉ định Ban Thư ký Đại hội, bao gồm các Ông/Bà có tên sau:

- **Ban Thư ký đại hội:**

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy | - Trưởng ban |
| - Bà Đặng Vũ Hồng Minh | - Thành viên |

2. Chương trình Đại hội

DHĐCĐ đã thông qua nội dung chương trình Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

III. PHẦN TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI:

Với tinh thần làm việc khẩn trương nghiêm túc, ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa đã nghe các báo cáo, tờ trình thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Nội dung 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, mục tiêu và kế hoạch năm 2022.

Bà Nguyễn Thị Huyền Thương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc trình bày Báo cáo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, mục tiêu và kế hoạch năm 2022 (*chi tiết theo báo cáo đính kèm*).

2. Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

Ông Vũ Tiến Thành – Đại diện Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 (*chi tiết theo báo cáo đính kèm*).

Thừa ủy quyền của Bà Nguyễn Thị Huyền Thương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc: Bà Huy Thị Dung – Phó Tổng giám đốc trình bày xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua các tờ trình như sau:

3. Nội dung 3: Tờ trình báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 của Công ty (*chi tiết theo tờ trình đính kèm*).

4. Nội dung 4: Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 (*chi tiết theo tờ trình đính kèm*).

5. Nội dung 5: Tờ trình thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch thù lao năm 2022 (*chi tiết theo tờ trình đính kèm*).

6. Nội dung 6: Tờ trình về việc kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 (*chi tiết theo tờ trình đính kèm*).

7. Nội dung 7: Tờ trình thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 của Công ty (*chi tiết theo tờ trình đính kèm*).

8. Nội dung 12: Tờ trình về việc ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu, chi phí với các bên có liên quan (*chi tiết theo tờ trình đính kèm*).

Thừa ủy quyền của Bà Nguyễn Thị Huyền Thương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Ngọc Quý – Thành viên HĐQT trình bày xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua các tờ trình như sau:

9. Nội dung 8: Tờ trình thông qua đề xuất sửa đổi Điều lệ Công ty: Các nội dung đề xuất ĐHĐCĐ sửa đổi Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 (*chi tiết tại tờ trình đính kèm*).

10. Nội dung 9: Tờ trình thông qua đề xuất sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty: Các nội dung đề xuất ĐHĐCĐ sửa đổi chi tiết tại tờ trình đính kèm.

10. Nội dung 10: Tờ trình thông qua việc ủy quyền cho HĐQT đánh giá và lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2022 (chi tiết theo tờ trình đính kèm).

11. Nội dung 11: Tờ trình thông qua nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS (chi tiết theo tờ trình đính kèm).

12. Nội dung 13: Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ III (2017 – 2021) và kế hoạch chiến lược phát triển nhiệm kỳ IV (2022 – 2026) (chi tiết theo báo cáo đính kèm).

IV. PHẦN THẢO LUẬN

Trong phần thảo luận, các cổ đông đã đặt câu hỏi chất vấn Đoàn chủ tịch, tập trung và các Nhóm vấn đề cụ thể như sau:

- Kết quả kinh doanh năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022. Các giải pháp trọng tâm của Công ty và các công ty con đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid 19 diễn ra phức tạp.

Các vấn đề nêu trên đã được Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

V. BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG TỪ 01 ĐẾN 13

DHĐCĐ đã tiến hành biểu quyết các nội dung từ 01 đến 13 nêu tại Phần III trên đây. Kết quả biểu quyết các nội dung như sau:

1. Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc năm 2021

Tán thành:	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

2. Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021

Tán thành:	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

3. Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Tán thành	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

4. Nội dung 4: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Tán thành	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

5. Nội dung 5: Thông qua thù lao của HĐQT và BKS năm 2021 và kế hoạch thù lao năm 2022

Tán thành	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

6. Nội dung 6: Thông qua Tờ trình về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Tán thành	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

7. Nội dung 7: Thông qua Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ

Tán thành:	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

8. Nội dung 8: Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Tán thành	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Không có ý kiến	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
-----------------	--

9. Nội dung 9: Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Tán thành	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

10. Nội dung 10: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022

Tán thành	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

11. Nội dung 11: Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS

Tán thành	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

12. Nội dung 12: Thông qua Tờ trình ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu và chi phí với các bên có liên quan

Tán thành:	1.812.036 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (số cổ phần có quyền biểu quyết là số lượng cổ phần sau khi đã loại bỏ số cổ phần của cổ đông có lợi ích liên quan theo quy định pháp luật).
Không tán thành:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

13. Nội dung 13: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ III (2017 – 2021) và kế hoạch chiến lược phát triển nhiệm kỳ IV (2022 – 2026)

Tán thành:	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

VI. NỘI DUNG BẦU HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2022-2026

1. Đại hội đã nghe trình bày Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2022-2026.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2022-2026 với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành:	11.410.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

2. Danh sách các ứng viên HĐQT như sau:

STT	Họ và Tên
1	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
2	Bà Trương Đào Hải Hà
3	Ông Đoàn Đức Hòa
4	Ông Nguyễn Ngọc Quý
5	Ông Phạm Anh Tuấn

Danh sách các ứng viên BKS như sau:

STT	Họ và Tên
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
2	Bà Phạm Thị Huệ Anh
3	Bà Vũ Hải Yến

3. Đại hội đã tiến hành bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2026.

VII. ĐẠI HỘI GIẢI LAO

VIII. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BẦU

Bà Lê Thị Vinh – Trưởng ban bầu cử và kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2026

Kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026:

STT	Họ và Tên	Số phiếu bầu hợp lệ
1	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	12.731.407
2	Bà Trương Đào Hải Hà	10.612.739
3	Ông Đoàn Đức Hòa	10.801.027
4	Ông Nguyễn Ngọc Quý	12.434.869
5	Ông Phạm Anh Tuấn	10.469.228

(Đính kèm Biên bản Kiểm phiếu bầu HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2026).

Kết quả bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2026:

STT	Họ và Tên	Số phiếu bầu hợp lệ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	13.842.630
2	Bà Phạm Thị Huệ Anh	9.987.969
3	Bà Vũ Hải Yến	10.399.463

(Đính kèm Biên bản Kiểm phiếu bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2026).

Căn cứ kết quả bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022 – 2026, danh sách thành viên trúng cử vào HĐQT và BKS Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

Danh sách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026:

STT	Họ và Tên
1	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
2	Bà Trương Đào Hải Hà
3	Ông Đoàn Đức Hòa
4	Ông Nguyễn Ngọc Quý
5	Ông Phạm Anh Tuấn

Danh sách thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 – 2026:

STT	Họ và Tên
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
2	Bà Phạm Thị Huệ Anh
3	Bà Vũ Hải Yến

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa nhiệm kỳ 2022 – 2026 đã tiến hành họp và bầu ra Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát với kết quả như sau:

STT	Họ và Tên	
1	Ông Nguyễn Ngọc Quý	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng Ban kiểm soát

Biên bản Đại hội gồm 09 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa vào lúc 14h50 phút cùng ngày, được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội./.

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2022

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH

BAN THƯ KÝ



Nguyễn Thị Ngọc Thùy



CHỦ TỌA

Nguyễn Đức Khả

C.P. Đ.

Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-NAG

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa ngày 12/02/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc năm 2021

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Năm 2021
1	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	15.440.626.823
2	Tổng trích lập các quỹ	1.080.843.878
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST (bắt buộc)	772.031.341

2.2	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi 2% LNST	308.812.536
3	Thù lao HĐQT & BKS	514.485.020
3.1	Trả thù lao HĐQT 2% LNTT	454.485.020
3.2	Trả thù lao Ban kiểm soát	60.000.000
4	Chia cổ tức 6% Vốn điều lệ tại ngày 12/01/2022	10.009.570.000
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.835.727.925

2. Phương án phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 1.000.957 cổ phiếu.
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại ngày đăng ký cuối cùng được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ sẽ không được hưởng quyền.
- Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá): 10.009.570.000 đồng.
- Phương thức: thực hiện quyền.
- Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: 6%, tức cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được quyền nhận 6 cổ phiếu mới phát hành theo nguyên tắc làm tròn đến hàng đơn vị.

(Tỷ lệ dự kiến nêu trên được tính theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 12/01/2022 là 16.682.622 cổ phiếu. Trường hợp tại thời điểm phát hành số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thay đổi thì ĐHĐCĐ giao HĐQT điều chỉnh và xác định tỷ lệ phát hành cụ thể để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức không vượt quá 1.000.957 cổ phiếu).

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị và theo nguyên tắc làm tròn xuống, phần lẻ hàng thập phân của cổ phiếu sẽ bị hủy.

(Nội dung chi tiết theo tờ trình đính kèm).

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 5. Thông qua thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch thù lao năm 2022

1. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2021

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị:	454.485.020
	+ Chủ tịch HĐQT:	0,68% lợi nhuận trước thuế năm 2021
	+ Phó chủ tịch HĐQT:	0,53% lợi nhuận trước thuế năm 2021

	+ Các thành viên HĐQT:	0,26% lợi nhuận trước thuế năm 2021.
2	Thù lao Ban kiểm soát	60.000.000
	+ Trưởng Ban kiểm soát:	0,13% lợi nhuận trước thuế năm 2021
	+ Các thành viên Ban kiểm soát:	0,07% lợi nhuận trước thuế năm 2021

2. Kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS năm 2022

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	Không quá 02% Lợi nhuận trước thuế năm 2022
	+ Chủ tịch HĐQT:	không vượt quá 0,6% lợi nhuận trước thuế năm 2022
	+ Phó chủ tịch HĐQT:	không vượt quá 0,5% lợi nhuận trước thuế năm 2022
	+ Các thành viên HĐQT:	không vượt quá 0,3% lợi nhuận trước thuế năm 2022.
2	Thù lao Ban kiểm soát	Không vượt quá 0,5% Lợi nhuận trước thuế năm 2022
	+ Trưởng Ban kiểm soát:	không vượt quá 0,25% lợi nhuận trước thuế năm 2022
	+ Các thành viên Ban kiểm soát:	không vượt quá 0,125% lợi nhuận trước thuế năm 2022

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 6. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện so với kế hoạch
-----	----------	-------------------	--------------------	-----------------------------

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.500.000.000.000	1.474.911.391.638	98,33%
2	Doanh thu thuần	1.425.000.000.000	1.404.424.090.024	98,56%
3	Lợi nhuận sau thuế	15.000.000.000	15.440.626.818	102,94%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,10%	1,10%	100%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,60%	7,00%	106,06%
6	Tỷ lệ cổ tức (*)	5%	6%	120%

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

3. ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.800.000.000.000	22%
2	Doanh thu thuần	1.746.000.000.000	24%
3	Lợi nhuận sau thuế	25.000.000.000	62%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,4%	30%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	7,7%	10%
6	Tỷ lệ cổ tức	Từ 05% - 10%	

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 7. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ

Một số nội dung cơ bản của Phương án như sau:

Loại cổ phiếu chào bán	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Vốn điều lệ hiện tại	: 166.826.240.000 đồng

Cổ phiếu quỹ	: 02 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	: 16.682.622 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: 16.682.622 cổ phiếu.
Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá)	: 166.826.220.000 đồng.
Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán	: 333.652.460.000 đồng.
Đối tượng của đợt chào bán	: cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.
Phương thức chào bán	: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu.
Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Tỷ lệ chào bán	: 1:1 (Theo đó, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được quyền mua 1 cổ phiếu phát hành thêm).

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình đính kèm).

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 9. Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 10. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 11. Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS

Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS được sửa đổi để phù hợp với quy định áp dụng đối với công ty đại chúng.

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 12. Thông qua nội dung Ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu và chi phí với các bên có liên quan.

Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu và chi phí với các bên có liên quan.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình đính kèm).

Số phiếu biểu quyết tán thành: 11.410.081 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 13: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ III (2017 – 2021) và kế hoạch chiến lược phát triển nhiệm kỳ IV (2022 – 2026)

Điều 14. Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2026

1. Danh sách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026:

STT	Họ và Tên	
1	Ông Nguyễn Ngọc Quý	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Trương Đào Hải Hà	Thành viên HĐQT
4	Ông Đoàn Đức Hòa	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT

(Đính kèm Biên bản Kiểm phiếu bầu HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2026).

2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2026:

STT	Họ và Tên	
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Huệ Anh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Vũ Hải Yến	Thành viên Ban kiểm soát

Điều 15. Tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa phê duyệt toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.
- Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 12/02/2022./.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông của NAG
- TV HĐQT, BKS;
- Tổng Giám đốc Nagakawa;
- Người CBTT Nagakawa;
- Lưu: VT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Đức Khả